

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thành Nam

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
GIAO NHẬN AN PHÚ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Sinh viên : Bùi Thành Nam

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Tình

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thành Nam

Mã SV: 2212402014

Lớp : QT2601N

Ngành : Quản trị kinh doanh

Tên đề tài: Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Cơ sở lý luận về tài sản và hiệu quả sử dụng tài sản trong doanh nghiệp
- Thực trạng sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giao nhận An Phú
- Đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản

.....

.....

.....

.....

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Báo cáo kết quả kinh doanh giai đoạn 2022 - 2024
- Báo cáo tài chính giai đoạn 2022 - 2024
- Cơ cấu tổ chức của công ty

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ giao nhận An Phú

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Tình

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Tình

Đơn vị công tác: Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Bùi Thành Nam Chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp

Đề tài tốt nghiệp: Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH
Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú

Nội dung hướng dẫn: Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH
Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....
.....
.....
.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	I
LỜI CẢM ƠN	II
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	III
DANH MỤC BẢNG BIỂU	IV
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	1
3. Câu hỏi nghiên cứu	2
4. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu.....	2
4.1. Đối tượng nghiên cứu	2
4.2. Phạm vi nghiên cứu	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Nội dung của khoá luận	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÀI SẢN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN TRONG DOANH NGHIỆP	5
1.1. Khái quát về tài sản của doanh nghiệp	5
1.2. Các loại tài sản của doanh nghiệp	6
1.2.1. Tài sản ngắn hạn	6
1.2.2. Tài sản dài hạn	8
1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp	11
1.3.1. Nhân tố chủ quan.....	11
1.3.2. Nhân tố khách quan	13
1.4. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp	14
1.4.1. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản chung.....	14
1.4.2. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn	19
1.4.3. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG SỬ DỤNG TÀI SẢN VÀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIAO NHẬN AN PHÚ	29
2.1. Giới thiệu chung về công ty	29
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	29
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ	30

2.1.3. Cơ cấu tổ chức	31
2.1.4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2022 – 2024	32
2.2. Thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú.....	35
2.2.1. Quy mô và cơ cấu tổng tài sản	36
2.2.2. Thực trạng sử dụng tài sản	37
2.3. Phân tích những chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú	39
2.3.1. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tổng tài sản.....	40
2.3.2. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn.....	43
2.3.3. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn.....	48
2.4. Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú.....	50
2.4.1. Ưu điểm.....	50
2.4.2. Nhược điểm.....	51
CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIAO NHẬN AN PHÚ	54
3.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn.....	54
3.1.1. Giải pháp về khoản phải thu.....	54
3.1.2. Giải pháp về nợ ngắn hạn.....	57
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn	60
3.3. Các giải pháp khác liên quan đến quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản	63
KẾT LUẬN CHUNG	66
TÀI LIỆU THAM KHẢO	67

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan toàn bộ nội dung trong khóa là kết quả nghiên cứu do chính em thực hiện. Các số liệu sử dụng trong bài có nguồn gốc và trích dẫn rõ ràng. Những phân tích, đánh giá và nhận xét trong khóa luận đều xuất phát từ quá trình tìm hiểu, tổng hợp tài liệu và vận dụng kiến thức đã học, không sao chép từ bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác. Em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Sinh viên

Bùi Thành Nam

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất tới thầy cô Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng, đặc biệt là các thầy cô Khoa Quản trị Kinh doanh, những người đã truyền đạt cho em những kiến thức quý báu trong suốt quá trình học tập và rèn luyện tại trường. Những kiến thức và kỹ năng mà em tích lũy được chính là nền tảng quan trọng giúp em hoàn thành khóa luận này.

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới cô Nguyễn Thị Tình, giảng viên hướng dẫn, người đã tận tình chỉ bảo, định hướng, góp ý và đồng hành cùng em trong suốt quá trình thực hiện đề tài, giúp em vượt qua những khó khăn để hoàn thiện khóa luận. Chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo và các anh chị Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú đã nhiệt tình hỗ trợ, cung cấp thông tin, số liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình khảo sát, thu thập dữ liệu phục vụ nghiên cứu.

Mặc dù đã cố gắng hoàn thiện bài luận một cách tốt nhất, nhưng không tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình nghiên cứu. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô để bài nghiên cứu được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nghĩa
1	DT	Doanh thu
2	LN	Lợi nhuận
3	TSNH	Tài sản ngắn hạn
4	TSDH	Tài sản dài hạn
5	TSCĐ	Tài sản cố định
6	TCDH	Tài chính dài hạn
7	DTT	Doanh thu thuần
8	LNST	Lợi nhuận sau thuế
9	TS	Tài sản
10	NH	Ngắn hạn
11	DH	Dài hạn

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024.....	33
Bảng 2.2. Bảng biến động tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024	35
Bảng 2.3. Cơ cấu tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024	35
Bảng 2.4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tổng tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024.....	40
Bảng 2.5. Mức ảnh hưởng của SOA và ROS lên ROA	42
Bảng 2.6. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán	43
Bảng 2.7. Vòng quay tài sản ngắn hạn.....	44
Bảng 2.8. Các chỉ tiêu thành phần trong tài sản ngắn hạn	45
Biểu đồ 2.1. Hệ số sinh lời của tài sản ngắn hạn của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024.....	47
Biểu đồ 2.2. Hiệu suất sử dụng và hệ số sinh lời tài sản dài hạn của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024.....	48
Biểu đồ 2.3. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024.....	49

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững cần phải sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực sẵn có, đặc biệt là tài sản – yếu tố then chốt quyết định quy mô hoạt động, năng lực sản xuất – kinh doanh và khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Hiệu quả sử dụng tài sản phản ánh trình độ quản lý, tổ chức và khai thác nguồn lực của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Do đó, việc phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp đưa ra các quyết định quản trị tài chính hợp lý, sử dụng vốn tiết kiệm, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Thực tế cho thấy, trong quá trình hoạt động, nhiều doanh nghiệp tuy có quy mô tài sản lớn nhưng hiệu quả sử dụng chưa cao, dẫn đến tình trạng vốn bị ứ đọng, chi phí tài chính tăng và lợi nhuận giảm. Ngược lại, những doanh nghiệp biết tối ưu cơ cấu tài sản và tăng cường hiệu quả khai thác tài sản thường đạt được kết quả kinh doanh tốt và năng lực cạnh tranh cao hơn. Vì vậy, việc nghiên cứu và đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản có ý nghĩa thiết thực, không chỉ giúp doanh nghiệp nhận diện rõ mức độ khai thác nguồn lực hiện có mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc đưa ra các quyết định quản trị tài chính và chiến lược đầu tư hợp lý, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Do đó, để có cái nhìn sâu sắc hơn về vấn đề này em đã chọn đề tài: **“Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú”** làm đề tài khoá luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nhằm phân tích, đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú trong giai đoạn 2022–2024; từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản trong

thời gian tới, góp phần tăng khả năng sinh lời và phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, khóa luận tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu chính sau:

1. Tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú được hình thành và cơ cấu như thế nào trong giai đoạn 2022–2024?
2. Hiệu quả sử dụng tài sản của công ty được thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính ra sao (ROA, vòng quay tài sản, hiệu suất sử dụng tài sản cố định...)?
3. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài sản tại công ty trong thời gian qua?
4. Các giải pháp nào có thể giúp công ty nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản trong giai đoạn tiếp theo?

4. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi không gian*: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú.

- *Phạm vi thời gian*: Đề tài nghiên cứu các số liệu, tài liệu thứ cấp

- *Về nội dung*:

Stt	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện	Kết quả cần đạt
1	Tìm hiểu lý luận về phân tích hiệu quả sử dụng tài sản trong doanh nghiệp	Hệ thống hóa các kiến thức lý thuyết cơ bản, nền tảng về phân tích hiệu quả sử dụng tài sản trong doanh nghiệp
2	Tìm hiểu và phân tích thực trạng về hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú	Thực tế về đề tài nghiên cứu này tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú
3	Đánh giá các ý tưởng đề ra cho nghiên cứu này.	Đề xuất các ý tưởng, giải pháp giúp doanh nghiệp tìm ra hướng giải quyết hiệu quả về sử dụng tài sản.

5. Phương pháp nghiên cứu

a. Cách tiếp cận: Tài liệu về phân tích hiệu quả sử dụng tài sản, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú

b. Phương pháp nghiên cứu:

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết:* Phương pháp phân tích lý thuyết là phương pháp nghiên cứu các văn bản, tài liệu lý luận khác nhau về một chủ đề, bằng cách phân tích chúng thành từng bộ phận, từng mặt để hiểu chúng một cách toàn diện. Nó còn nhằm phát hiện ra những xu hướng, những trường phái nghiên cứu của từng tác giả, từ đó lựa chọn những thông tin quan trọng phục vụ cho đề tài nghiên cứu của mình. Phương pháp tổng hợp lý là phương pháp liên kết, sắp xếp các dữ liệu, thông tin lý thuyết đã thu thập được để tạo ra một hệ thống lý thuyết đầy đủ, sâu sắc về vấn đề phân tích hiệu quả sử dụng tài sản.

- *Phương pháp quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp*: Để có thể tiến hành phân tích đòi hỏi phải thu thập một lượng thông tin cần thiết, đầy đủ liên quan đến hiệu quả sử dụng tài sản và các nhân tố tác động đến vấn đề này của doanh nghiệp. Xuất phát từ những số liệu thu thập được từ đó phân tích, so sánh, tổng hợp để tạo ra một hệ thống lý thuyết và thực tiễn đầy đủ, sâu sắc về vấn đề phân tích hiệu quả sử dụng tài sản.

6. Nội dung của khoá luận

Nội dung khóa luận được chia thành ba chương chính như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phân tích hiệu quả sử dụng tài sản trong doanh nghiệp.

Chương 2: Tìm hiểu và phân tích thực trạng về hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú.

Chương 3: Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÀI SẢN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát về tài sản của doanh nghiệp

Tài sản của doanh nghiệp là toàn bộ các nguồn lực kinh tế mà doanh nghiệp đang nắm giữ, sử dụng và kiểm soát một cách hợp pháp, được biểu hiện dưới hình thức giá trị tiền tệ và có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho doanh nghiệp. Nói cách khác, tài sản chính là cơ sở vật chất và tài chính, là nền tảng quan trọng giúp doanh nghiệp tổ chức và thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư và phát triển bền vững.

Trong thực tế, tài sản của doanh nghiệp có thể tồn tại dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau, bao gồm các tài sản hữu hình như tiền, hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải, cũng như các tài sản vô hình như quyền sử dụng đất, thương hiệu, nhãn hiệu, bằng sáng chế, phần mềm, và các quyền tài sản khác. Mỗi loại tài sản đóng góp một vai trò nhất định trong việc đảm bảo hoạt động liên tục, nâng cao hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Trong bối cảnh quản trị doanh nghiệp, việc xác định và quản lý tài sản có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trước hết, doanh nghiệp cần xác định rõ quyền kiểm soát đối với tài sản mà mình sở hữu hoặc đang sử dụng. Quyền kiểm soát này giúp ban lãnh đạo doanh nghiệp có khả năng quản trị và điều phối tài sản một cách chủ động, đảm bảo rằng mỗi nguồn lực được khai thác đúng mục đích và phù hợp với định hướng chiến lược chung. Bên cạnh đó, việc đánh giá giá trị tài sản một cách chính xác và minh bạch sẽ giúp doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tài chính thực tế, từ đó đưa ra các quyết định hợp lý về đầu tư, sử dụng hay thanh lý tài sản. Từ đó giúp doanh nghiệp tối ưu hóa cơ cấu tài chính, giảm thiểu chi phí không cần thiết, nâng cao hiệu suất sử dụng nguồn vốn và tăng cường khả năng cạnh tranh. Đây cũng là nền tảng quan

trọng giúp doanh nghiệp hoạch định chiến lược phát triển, điều chỉnh chiến lược kinh doanh và ứng phó linh hoạt với biến động của thị trường.

Bên cạnh đó, cần phân biệt rõ giữa tài sản và nguồn vốn trong doanh nghiệp. Tài sản là những giá trị kinh tế mà doanh nghiệp sở hữu hoặc kiểm soát để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; trong khi đó, nguồn vốn là nguồn hình thành nên các tài sản này – bao gồm vốn chủ sở hữu và các khoản nợ phải trả. Nói cách khác, tài sản thể hiện việc doanh nghiệp sử dụng vốn như thế nào, còn nguồn vốn phản ánh doanh nghiệp huy động vốn từ đâu. Việc hiểu rõ mối quan hệ này giúp doanh nghiệp đánh giá chính xác cơ cấu tài chính, cân đối giữa khả năng sinh lợi và rủi ro, từ đó đưa ra các quyết định huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả.

1.2. Các loại tài sản của doanh nghiệp

1.2.1. Tài sản ngắn hạn

1.2.1.1. Khái niệm

Tài sản ngắn hạn là những tài sản có thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi vốn ngắn trong vòng một chu kỳ kinh doanh hoặc không quá một năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Đây là nhóm tài sản có tính thanh khoản cao, thường xuyên được chuyển hóa thành tiền trong quá trình hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Tài sản ngắn hạn đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì hoạt động thường xuyên và đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

1.2.1.2. Các loại tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn bao gồm:

- **Vốn bằng tiền:** Đây là các khoản tiền mặt bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang được luân chuyển và các khoản có giá trị tương đương như vàng, bạc, đá quý, và kim loại quý khác.
- **Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:** Đây là các khoản đầu tư vào bên ngoài doanh nghiệp với mục đích kiếm lời trong một thời gian ngắn, thường

trong một chu kỳ kinh doanh. Loại tài sản này bao gồm chứng khoán ngắn hạn, các khoản đầu tư khác ngắn hạn, và dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư ngắn hạn nhằm bù đắp các tổn thất của đầu tư dài hạn do những rủi ro như phá sản, thiên tai, hoặc lũ lụt.

- **Hàng tồn kho:** Đây là những tài sản doanh nghiệp sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc bán ra trong kỳ kinh doanh ngắn hạn. Hàng tồn kho bao gồm nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm, hàng hóa, và hàng hóa tại kho bảo thuế của doanh nghiệp.
- **Các khoản phải thu ngắn hạn:** Đây là những khoản tiền doanh nghiệp có quyền thu hồi từ khách hàng hoặc các bên liên quan khác do các giao dịch kinh doanh. Những khoản này bao gồm tiền phải thu từ khách hàng, phải thu nội bộ, thuế GTGT cần thu hồi, và các khoản phải thu khác. Doanh nghiệp cần quản lý chặt chẽ các khoản này để đảm bảo không bị chiếm dụng hoặc mất mát.
- **Các tài sản ngắn hạn khác:** Bao gồm giá trị trong các khoản cầm cố, tạm ứng, ký quỹ, ký cược ngắn hạn, và chi phí trả trước ngắn hạn.

1.2.1.3. Vai trò của tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp, bởi đây là bộ phận tài sản có khả năng chuyển đổi nhanh thành tiền, trực tiếp phục vụ nhu cầu vận hành thường xuyên.

Trước hết, tài sản ngắn hạn là nền tảng duy trì tính thanh khoản của doanh nghiệp. Nhờ có lượng tài sản ngắn hạn dồi dào và được quản trị hợp lý, doanh nghiệp có thể chủ động xử lý các khoản chi trả ngắn hạn như thanh toán cho nhà cung cấp, chi phí hoạt động thường xuyên, tiền lương và các nghĩa vụ tài chính khác. Điều này giúp doanh nghiệp tránh rủi ro mất khả năng thanh toán, bảo đảm hoạt động không bị gián đoạn và giữ vững uy tín với đối tác.

Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định tài chính trong ngắn hạn. Một cơ cấu tài sản lưu động hợp lý, bao gồm

tiền mặt, hàng tồn kho và các khoản phải thu, cho phép doanh nghiệp phản ứng linh hoạt trước biến động thị trường, biến động nhu cầu hoặc những thay đổi bất ngờ về dòng tiền. Khi doanh nghiệp quản trị hiệu quả tiền mặt và các khoản phải thu, dòng tiền vào sẽ ổn định và đều đặn hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập kế hoạch tài chính ngắn hạn cũng như kiểm soát rủi ro.

Không chỉ vậy, quản trị tốt tài sản ngắn hạn còn giúp doanh nghiệp tối ưu hóa vốn lưu động, từ đó giảm chi phí sử dụng vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động. Việc rút ngắn thời gian thu hồi công nợ, giảm hàng tồn kho dư thừa, hay tối ưu chu kỳ chuyển đổi tiền mặt đều giúp doanh nghiệp giải phóng nguồn vốn không cần thiết, giảm nhu cầu vay vốn ngắn hạn và tiết kiệm chi phí lãi vay. Ngược lại, nếu quản lý kém, ví dụ như để tồn kho lớn, bị chiếm dụng vốn kéo dài hay thiếu dự trữ tiền mặt doanh nghiệp có thể rơi vào tình trạng mất cân đối tài chính, gia tăng chi phí vốn và đối mặt với nguy cơ suy giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường.

1.2.2. Tài sản dài hạn

1.2.2.1. Khái niệm

Tài sản dài hạn là những tài sản có thời gian sử dụng, thu hồi vốn hoặc mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp trong thời gian trên một năm hoặc nhiều chu kỳ kinh doanh. Đây là nhóm tài sản có tính ổn định cao, thường được doanh nghiệp đầu tư để phục vụ lâu dài cho hoạt động sản xuất – kinh doanh, nghiên cứu, phát triển hoặc mở rộng quy mô.

Tài sản dài hạn thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của doanh nghiệp, thể hiện năng lực sản xuất, tiềm lực tài chính và định hướng phát triển lâu dài. Việc đầu tư và quản lý hiệu quả tài sản dài hạn giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng sản phẩm và tăng cường vị thế cạnh tranh.

1.2.2.2. Các loại tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn bao gồm:

- Tài sản cố định: Đây là những tài sản lớn, được sử dụng liên tục trong nhiều chu kỳ sản xuất hoặc kinh doanh và có xu hướng bị hao mòn dần theo thời gian. Tài sản cố định chia thành hai nhóm chính:
 - + Tài sản cố định hữu hình: Bao gồm các tài sản như nhà cửa, máy móc, thiết bị, và phương tiện vận tải. Để được phân loại là tài sản cố định hữu hình, chúng phải có nguyên giá từ 30 triệu đồng trở lên, thời gian sử dụng trên một năm và phải mang lại lợi ích kinh tế từ việc sử dụng.
 - + Tài sản cố định vô hình: Bao gồm những tài sản không có hình thái vật chất như bằng sáng chế, quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, và bản quyền tác giả. Những tài sản này cũng cần thỏa mãn các điều kiện nhất định về giá trị đầu tư và chi phí phát sinh để có thể được ghi nhận là tài sản cố định vô hình.
- Các khoản phải thu dài hạn: Là các khoản tiền mà doanh nghiệp có quyền thu hồi từ các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng trong một thời gian dài hơn 12 tháng. Các khoản này có thể bao gồm phải thu dài hạn từ khách hàng, phải thu dài hạn nội bộ, vốn kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc, và các khoản cho vay dài hạn.
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Đây là các khoản đầu tư mà doanh nghiệp thực hiện vào các công ty con, công ty liên kết hoặc liên doanh, với mục tiêu đầu tư lâu dài nhằm sinh lời. Những khoản đầu tư này thường vượt quá thời gian một năm và có thể bao gồm cả chứng khoán dài hạn. Doanh nghiệp cũng cần dự phòng giảm giá cho những khoản đầu tư này để phản ánh các biến động giá trị do thị trường hoặc các yếu tố ngoại cảnh khác.
- Bất động sản đầu tư: Là loại tài sản bao gồm các bất động sản như nhà, đất được doanh nghiệp sở hữu hoặc nắm giữ với mục đích sinh lợi, thông qua việc cho thuê hoặc đầu tư chờ tăng giá để bán. Điểm khác biệt của bất động sản đầu tư so với tài sản cố định là chúng không được sử dụng trực tiếp trong các hoạt động sản xuất hoặc cung ứng hàng hóa của doanh nghiệp.

- Các tài sản dài hạn khác: Bao gồm một loạt các tài sản khác có thời gian sử dụng hoặc thu hồi kéo dài trên một năm tại thời điểm báo cáo. Các ví dụ về loại tài sản này có thể là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, chi phí trả trước dài hạn, tài sản thuế thu nhập hoãn lại, và các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

1.2.2.3. Vai trò của tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn giữ vai trò trung tâm trong toàn bộ chiến lược phát triển của doanh nghiệp, bởi đây là nhóm tài sản gắn liền với quá trình hoạt động, sản xuất và mở rộng quy mô trong dài hạn. Khác với tài sản ngắn hạn có chu kỳ luân chuyển nhanh, tài sản dài hạn thường có thời gian sử dụng nhiều năm, từ đó trở thành hạ tầng cốt lõi giúp doanh nghiệp duy trì vị thế và năng lực hoạt động ổn định trên thị trường.

Trước hết, tài sản dài hạn là nền tảng vật chất và kỹ thuật của doanh nghiệp. Các loại tài sản như nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất hay phương tiện vận tải đóng vai trò quyết định đối với năng lực sản xuất của doanh nghiệp. Việc đầu tư đúng hướng và kịp thời vào các tài sản này giúp doanh nghiệp mở rộng công suất, đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường. Ngược lại, tài sản lạc hậu hoặc không đáp ứng quy mô hoạt động sẽ cản trở sự phát triển của doanh nghiệp và làm giảm sức cạnh tranh.

Tài sản dài hạn còn là công cụ thúc đẩy đổi mới công nghệ và hiện đại hóa sản xuất. Khi doanh nghiệp đầu tư vào các thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến hay phần mềm quản lý thông minh, hiệu quả sản xuất sẽ được cải thiện đáng kể: chất lượng sản phẩm tăng, tỷ lệ lỗi giảm, thời gian sản xuất rút ngắn và chi phí vận hành giảm thiểu. Điều này không chỉ nâng cao năng suất lao động mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành.

Ngoài ra, quản trị tốt tài sản dài hạn đóng vai trò quan trọng đối với việc duy trì cơ cấu tài chính lành mạnh. Tài sản dài hạn thường được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu hoặc các khoản vay dài hạn, do đó việc phân bổ vốn hợp lý giúp doanh nghiệp

đảm bảo cân đối tài chính, giảm áp lực thanh toán và ổn định dòng tiền trong dài hạn. Khi doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các tài sản này, chi phí khấu hao được phân bổ hợp lý sẽ góp phần tối ưu hóa lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và gia tăng giá trị doanh nghiệp.

Không chỉ vậy, tài sản dài hạn còn phản ánh quy mô, tiềm lực và chiến lược phát triển của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp sở hữu hệ thống cơ sở vật chất hiện đại và quy mô lớn thường tạo được niềm tin đối với nhà đầu tư, đối tác cũng như các tổ chức tín dụng. Đây là yếu tố quan trọng trong việc thu hút vốn, mở rộng thị trường và triển khai các dự án dài hạn.

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp

Hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp là một chỉ tiêu phản ánh khả năng khai thác và tận dụng các nguồn lực sẵn có nhằm tạo ra lợi nhuận và giá trị gia tăng. Trong thực tế, hiệu quả này không chỉ phụ thuộc vào quy mô hay cơ cấu tài sản mà còn chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau, cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Có thể chia các yếu tố ảnh hưởng thành hai nhóm chính là nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan. Việc nhận diện, phân tích và kiểm soát các yếu tố này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình hoạch định chiến lược, quản trị tài chính và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

1.3.1. Nhân tố chủ quan

Nhân tố chủ quan bao gồm những yếu tố xuất phát từ chính nội bộ doanh nghiệp, có thể được kiểm soát, điều chỉnh hoặc cải thiện thông qua các quyết định quản trị và chính sách nội bộ. Các nhân tố chủ quan chủ yếu gồm:

- **Trình độ quản lý và năng lực lãnh đạo:** Đây là yếu tố cốt lõi ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng tài sản. Một đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, năng lực quản trị tốt sẽ biết cách phân bổ tài sản hợp lý, xây dựng kế hoạch đầu tư hiệu quả, đồng thời giám sát chặt chẽ quá trình khai thác, bảo dưỡng và đổi mới tài sản. Ngược lại, năng lực quản lý yếu kém dễ dẫn đến

tình trạng lãng phí nguồn lực, đầu tư dàn trải hoặc sử dụng tài sản không đúng mục đích.

- Cơ cấu tài sản: Cơ cấu tài sản phản ánh tỷ trọng giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, đồng thời thể hiện định hướng hoạt động của doanh nghiệp. Một cơ cấu tài sản hợp lý giúp doanh nghiệp cân bằng giữa tính thanh khoản và khả năng sinh lời. Nếu tỷ trọng tài sản cố định quá lớn, doanh nghiệp có thể bị thiếu vốn lưu động; ngược lại, nếu tài sản ngắn hạn chiếm ưu thế, hiệu quả đầu tư dài hạn có thể bị hạn chế.
- Trình độ công nghệ và kỹ thuật: Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, quản lý và vận hành giúp nâng cao năng suất lao động, giảm hao mòn tài sản và tối ưu chi phí sử dụng. Doanh nghiệp chậm đổi mới công nghệ thường đối mặt với nguy cơ tài sản nhanh chóng lạc hậu, giảm hiệu quả và gia tăng chi phí bảo trì, sửa chữa.
- Chất lượng nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định trong việc vận hành, khai thác và bảo quản tài sản. Nhân viên có tay nghề cao, ý thức trách nhiệm tốt và được đào tạo bài bản sẽ giúp tăng hiệu suất sử dụng tài sản, kéo dài tuổi thọ và giảm thiểu hư hỏng. Ngoài ra, năng lực của bộ phận kế toán – tài chính trong việc ghi nhận, đánh giá và kiểm soát tài sản cũng ảnh hưởng lớn đến độ chính xác và minh bạch trong quản lý tài sản.
- Chính sách tài chính và đầu tư: Các quyết định liên quan đến đầu tư, khấu hao, bảo dưỡng hay thanh lý tài sản đều tác động trực tiếp đến hiệu quả sử dụng. Doanh nghiệp cần xây dựng chính sách tài chính linh hoạt, đảm bảo sử dụng tài sản đúng mục đích, đúng thời điểm và đạt được tỷ suất sinh lời cao nhất.
- Văn hóa doanh nghiệp và cơ chế khuyến khích nội bộ: Một môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và có cơ chế khuyến khích hợp lý sẽ thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, ý thức tiết kiệm và sáng tạo trong việc sử dụng tài sản của nhân viên.

1.3.2. Nhân tố khách quan

Nhân tố khách quan là những yếu tố nằm ngoài phạm vi kiểm soát của doanh nghiệp, nhưng lại có tác động mạnh mẽ đến hiệu quả sử dụng tài sản. Bao gồm:

- Môi trường kinh tế vĩ mô: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái và chính sách tài chính – tiền tệ của Nhà nước đều có ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị tài sản, chi phí vốn và khả năng đầu tư của doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ổn định, môi trường đầu tư thuận lợi sẽ tạo điều kiện để doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản. Ngược lại, biến động kinh tế làm giảm giá trị tài sản và tăng chi phí hoạt động.
- Chính sách pháp luật và cơ chế quản lý của Nhà nước: Các quy định về thuế, khấu hao tài sản cố định, đầu tư công, và chuẩn mực kế toán ảnh hưởng đến cách doanh nghiệp ghi nhận, định giá và quản lý tài sản. Sự thay đổi trong chính sách có thể tạo thuận lợi hoặc gây khó khăn cho hoạt động sử dụng tài sản của doanh nghiệp.
- Thị trường và mức độ cạnh tranh: Khi thị trường có sự cạnh tranh gay gắt, doanh nghiệp buộc phải đầu tư đổi mới công nghệ, cải thiện chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa tài sản để duy trì lợi thế cạnh tranh. Ngược lại, trong môi trường cạnh tranh yếu, doanh nghiệp có thể thiếu động lực để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.
- Tiến bộ khoa học – công nghệ: Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ khiến nhiều tài sản trở nên lỗi thời chỉ sau thời gian ngắn. Doanh nghiệp cần chủ động nắm bắt xu hướng công nghệ để tái cấu trúc danh mục tài sản, đầu tư vào những lĩnh vực có khả năng sinh lợi cao hơn.
- Yếu tố xã hội và môi trường tự nhiên: Các yếu tố như biến đổi khí hậu, yêu cầu bảo vệ môi trường, xu hướng tiêu dùng xanh và các chuẩn mực xã hội ngày càng ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư tài sản. Doanh nghiệp cần thích ứng bằng cách sử dụng tài sản thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng và tuân thủ quy định pháp lý để duy trì uy tín và phát triển bền vững.

1.4. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp

Trong quá trình hoạt động sản xuất – kinh doanh, việc doanh nghiệp sở hữu nhiều tài sản chưa chắc đã đồng nghĩa với hiệu quả kinh tế cao. Điều quan trọng hơn là cách doanh nghiệp khai thác, quản lý và sử dụng các tài sản đó như thế nào để tạo ra lợi nhuận và giá trị gia tăng. Phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản là một nội dung cốt lõi trong công tác quản trị tài chính, giúp doanh nghiệp nhận diện được mức độ tận dụng tài sản hiện có, xác định điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động và đưa ra các biện pháp cải thiện hợp lý.

Hoạt động này không chỉ nhằm phản ánh khả năng sinh lời của tài sản, mà còn là căn cứ để doanh nghiệp hoạch định chiến lược đầu tư, đổi mới công nghệ, và tối ưu hóa cơ cấu tài sản – nguồn vốn. Thông qua các chỉ tiêu tài chính và phân tích hiệu quả sử dụng tài sản, doanh nghiệp có thể nâng cao hiệu suất hoạt động, giảm thiểu rủi ro và hướng tới phát triển bền vững trong dài hạn.

1.4.1. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản chung

Hiệu quả sử dụng tài sản chung thể hiện qua khả năng chuyển hóa tài sản thành doanh thu và lợi nhuận. Mục tiêu của phân tích là xác định doanh nghiệp đang sử dụng tài sản hiệu quả đến đâu, có tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có hay không, và phát hiện những hạn chế trong việc quản trị tài sản. Kết quả phân tích cung cấp cơ sở quan trọng cho việc hoạch định chiến lược tài chính, tối ưu hóa cơ cấu tài sản – nguồn vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Một số chỉ tiêu tài chính thường được sử dụng để đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản chung bao gồm:

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA):

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times 100\%$$

ROA phản ánh khả năng sinh lời của toàn bộ tài sản doanh nghiệp. Nếu ROA của một doanh nghiệp cao, điều đó cho thấy doanh nghiệp có khả năng tạo ra lợi nhuận lớn hơn so với số vốn đầu tư ban đầu, tức là doanh nghiệp sử dụng tài sản của mình một cách hiệu quả. Ngược lại, ROA thấp là dấu hiệu của việc sử dụng tài sản kém hiệu quả hoặc cơ cấu tài sản chưa hợp lý.

Vòng quay tổng tài sản:

$$\text{Vòng quay tổng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết mỗi một đồng tài sản doanh nghiệp bỏ ra đầu tư thì sẽ thu được bao nhiêu đồng doanh thu. Các chỉ số của vòng quay tổng tài sản phản ánh được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ số càng cao chứng tỏ kế hoạch sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng hiệu quả, lợi nhuận dương. Ngược lại chỉ số càng thấp thì cho thấy doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn chưa thực sự hiệu quả.

Suất hao phí của tài sản so với doanh thu thuần

Khả năng tạo ra doanh thu thuần của tài sản là một chỉ tiêu kinh tế cơ bản để dự kiến vốn đầu tư khi doanh nghiệp muốn một mức doanh thu thuần như dự kiến. Chỉ tiêu này thường được xác định như sau:

$$\frac{\text{Suất hao phí của tài sản}}{\text{so với doanh thu thuần}} = \frac{\text{Tài sản bình quân}}{\text{Doanh thu thuần bán hàng}}$$

Chỉ tiêu này cho biết trong kỳ phân tích, doanh nghiệp thu được 1 đồng doanh thu thuần thì cần bao nhiêu đồng tài sản đầu tư. Chỉ tiêu này càng thấp hiệu quả

sử dụng tài sản càng tốt, góp phần tiết kiệm tài sản và nâng cao doanh thu thuần trong kỳ của doanh nghiệp.

Suất hao phí của tài sản so với lợi nhuận sau thuế

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng tạo ra lợi nhuận sau thuế của các tài sản mà doanh nghiệp đang sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

$$\frac{\text{Suất hao phí của tài sản}}{\text{so với lợi nhuận sau thuế}} = \frac{\text{Tài sản bình quân}}{\text{Lợi nhuận sau thuế}}$$

Chỉ tiêu này cho biết trong kỳ phân tích, doanh nghiệp thu được 1 đồng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thì cần bao nhiêu đồng tài sản. Chỉ tiêu này càng thấp hiệu quả sử dụng các tài sản càng cao, hấp dẫn các cổ đông đầu tư.

Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản thông qua mô hình tài chính Dupont:

Trong lĩnh vực tài chính, việc đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh không thể chỉ dừng lại ở những con số lợi nhuận đơn thuần. Phân tích mô hình Dupont là một công cụ phân tích tài chính hữu ích và toàn diện, giúp doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua mối quan hệ giữa lợi nhuận, doanh thu và tài sản.

Mục đích chính của mô hình Dupont là phân tích và làm rõ khả năng sinh lời của mỗi đồng tài sản mà doanh nghiệp sử dụng, đồng thời xác định ảnh hưởng cụ thể của từng bộ phận tài sản, chi phí và doanh thu đến kết quả sinh lợi chung. Thông qua việc phân tích này, nhà quản trị có thể nhận biết rõ hơn những khu vực hoạt động chưa hiệu quả, từ đó đề ra các quyết định điều chỉnh nhằm nâng cao khả năng sinh lợi và hiệu quả sử dụng tài sản.

Trong phân tích theo mô hình Dupont, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) được tính theo công thức:

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

$$ROA = \frac{\text{Tỷ suất sinh lời của doanh thu (ROS)}}{\text{Doanh thu (ROS)}} \times \frac{\text{Số vòng quay của tài sản bình quân (SOA)}}{\text{SOA}}$$

*Ý nghĩa của mô hình Dupont:

– Số vòng quay của toàn bộ tài sản bình quân (SOA): Chỉ tiêu này cho biết trong một kỳ phân tích, toàn bộ tài sản của doanh nghiệp đã quay được bao nhiêu vòng, hay mỗi đồng tài sản tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu.

Nếu số vòng quay tài sản bình quân cao, điều đó cho thấy doanh nghiệp đang sử dụng tài sản một cách linh hoạt, hiệu quả, khả năng khai thác tài sản để tạo ra doanh thu tốt hơn. Ngược lại, vòng quay tài sản thấp phản ánh tình trạng dư thừa tài sản hoặc sử dụng tài sản kém hiệu quả, dẫn đến việc dòng vốn bị ứ đọng và lợi nhuận giảm.

Hai nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến vòng quay tài sản là:

- Doanh thu thuần: Khi doanh thu thuần tăng lên, số vòng quay của tài sản tăng.
- Tổng tài sản bình quân: Khi tổng tài sản bình quân tăng nhanh hơn doanh thu thuần, vòng quay tài sản sẽ giảm.

Trên thực tế, doanh thu thuần và tổng tài sản bình quân có mối quan hệ cùng chiều, vì khi doanh nghiệp mở rộng quy mô tài sản thì khả năng tạo doanh thu cũng tăng. Do đó, để tăng vòng quay tài sản, doanh nghiệp cần phân tích sâu hơn từng bộ phận cấu thành tài sản, xác định các khoản mục sử dụng chưa hiệu quả (như hàng tồn kho, công nợ phải thu, máy móc thiết bị...) để tối ưu hóa cơ cấu tài sản và nâng cao tốc độ luân chuyển vốn.

– Tỷ suất sinh lời của doanh thu thuần (ROS): thể hiện mức độ sinh lời từ doanh thu mà doanh nghiệp đạt được sau khi đã trừ đi toàn bộ chi phí, phản ánh một đồng doanh thu thuần mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận ròng, thể hiện khả năng kiểm soát chi phí và hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Để nâng cao tỷ suất sinh lời của doanh thu thuần, doanh nghiệp cần thực hiện các biện pháp giảm thiểu chi phí thông qua việc phân tích chi tiết cơ cấu chi phí phát sinh trong kỳ. Cụ thể, cần xem xét từng yếu tố cấu thành nên tổng chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính, từ đó xác định nguyên nhân làm chi phí tăng và tìm ra biện pháp tiết giảm phù hợp.

Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu khả năng sinh lời của tài sản, doanh nghiệp cũng cần chú ý đến vốn chủ sở hữu bởi vòng quay tài sản bình quân và sức sinh lời của doanh thu thuần không phải lúc nào cũng tăng ổn định. Mặt khác, để duy trì và mở rộng lợi nhuận trong tương lai, doanh nghiệp cần đầu tư bổ sung vốn, đặc biệt là tăng vốn chủ sở hữu. Việc này phụ thuộc phần lớn vào lợi nhuận giữ lại và chính sách phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, nhà quản trị cần cân đối hợp lý giữa tích lũy nội bộ và huy động vốn từ bên ngoài, đảm bảo nguồn lực tài chính đủ mạnh để duy trì tốc độ tăng trưởng và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản trong dài hạn.

Tóm lại, việc phân tích hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp dựa trên mô hình tài chính Dupont cho phép đánh giá một cách toàn diện và sâu sắc hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên nhiều phương diện khác nhau. Mô hình này không chỉ giúp xác định mức độ sinh lời của tài sản mà còn chỉ ra các nhân tố cụ thể ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài sản, như khả năng quản lý chi phí, tốc độ luân chuyển tài sản và hiệu suất tạo doanh thu. Thông qua kết quả phân tích, doanh nghiệp có thể phát hiện ra các điểm mạnh, điểm yếu trong công tác quản trị tài sản, từ đó đề xuất những biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần nâng cao lợi nhuận và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong dài hạn.

1.4.2. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn

Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn là quá trình đánh giá mức độ khai thác và sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp nhằm tạo ra doanh thu, lợi nhuận và duy trì khả năng thanh toán trong ngắn hạn. Mục tiêu của phân tích này là xác định doanh nghiệp đang sử dụng tài sản ngắn hạn hiệu quả đến đâu, nguồn lực nào đang bị ứ đọng hoặc lãng phí, và đề xuất biện pháp tối ưu hóa để nâng cao hiệu quả hoạt động. Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn cao đồng nghĩa với việc doanh nghiệp có chu kỳ luân chuyển vốn nhanh, ít bị chiếm dụng vốn, và tạo được lợi nhuận tốt trên mỗi đồng vốn lưu động. Ngược lại, hiệu quả thấp cho thấy vốn bị ứ đọng, chi phí tăng cao và rủi ro tài chính lớn hơn.

Để phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn ta thường sử dụng những chỉ tiêu sau:

1.4.2.1. Khả năng sinh lời của tài sản ngắn hạn

Hệ số sinh lời tài sản ngắn hạn là chỉ tiêu phản ánh mức độ hiệu quả trong việc sử dụng các tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp để tạo ra lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này cho biết mỗi 100 đồng tài sản ngắn hạn đầu tư trong kỳ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{Hệ số sinh lời tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tài sản ngắn hạn bình quân}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu càng cao, chứng tỏ doanh nghiệp quản lý và sử dụng tài sản ngắn hạn hiệu quả, các nguồn vốn lưu động như tiền, hàng tồn kho và các khoản phải thu được quay vòng nhanh, sinh lợi cao và đóng góp tích cực vào lợi nhuận chung. Ngược lại, nếu chỉ tiêu thấp, điều đó cho thấy doanh nghiệp chưa khai thác hiệu quả giá trị sử dụng của tài sản ngắn hạn, vốn bị ứ đọng trong tồn kho hoặc các

khoản phải thu kéo dài, làm giảm hiệu suất sử dụng vốn, tăng chi phí cơ hội và có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh lời tổng thể.

1.4.2.2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời là chỉ tiêu phản ánh khả năng của doanh nghiệp trong việc sử dụng tài sản ngắn hạn để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán hiện thời } (H_{HT}) = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Khi $H_{HT} < 1$, điều này cho thấy khả năng thanh toán của doanh nghiệp yếu, nghĩa là giá trị tài sản ngắn hạn không đủ để trang trải các khoản nợ ngắn hạn. Đây là dấu hiệu cảnh báo sớm về những khó khăn tiềm ẩn trong tài chính, doanh nghiệp có thể gặp rủi ro mất khả năng thanh toán, dẫn đến nguy cơ mất uy tín hoặc thậm chí phá sản nếu tình trạng kéo dài. Hệ số H_{HT} càng tiến gần về 0, mức độ rủi ro tài chính càng cao, thể hiện doanh nghiệp dần mất khả năng chi trả.

Ngược lại, khi $H_{HT} > 1$, điều đó chứng tỏ doanh nghiệp có khả năng thanh toán tốt, tài sản ngắn hạn có thể đáp ứng được các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, thể hiện tính thanh khoản cao và sự an toàn trong tài chính. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nếu hệ số này quá cao chưa hẳn đã phản ánh tình hình tài chính tích cực, bởi có thể doanh nghiệp đang sử dụng vốn không hiệu quả, để tồn đọng lượng tiền mặt hoặc hàng tồn kho quá lớn làm giảm khả năng chuyển đổi thành tiền, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn.

Hệ số khả năng thanh toán nhanh

Hệ số khả năng thanh toán nhanh là chỉ tiêu phản ánh khả năng doanh nghiệp có thể đáp ứng ngay các nghĩa vụ nợ ngắn hạn bằng những tài sản có tính thanh

khoản cao, tức là những tài sản có thể nhanh chóng chuyển đổi thành tiền trong thời gian ngắn mà không phụ thuộc vào khả năng tiêu thụ hàng tồn kho.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh } (H_{nh}) = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Khi $H_{nh} < 1$, cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp còn hạn chế, tức là giá trị các tài sản có tính thanh khoản cao chưa đủ để trang trải toàn bộ nợ ngắn hạn. Doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc chi trả các nghĩa vụ tài chính đến hạn nếu dòng tiền bị gián đoạn hoặc công nợ chưa được thu hồi kịp thời. Tình trạng này phản ánh rủi ro tài chính ngắn hạn và đòi hỏi doanh nghiệp phải cải thiện hiệu quả quản lý vốn lưu động, đặc biệt trong việc thu hồi công nợ và duy trì lượng tiền mặt hợp lý.

Ngược lại, khi $H_{nh} > 1$, cho thấy doanh nghiệp có khả năng thanh toán tốt, có thể đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn mà không cần sử dụng đến hàng tồn kho. Hệ số này cho thấy tính thanh khoản cao, tình hình tài chính ổn định và khả năng tự chủ vốn ngắn hạn của doanh nghiệp.

Hệ số khả năng thanh toán tức thời

Hệ số khả năng thanh toán tức thời là chỉ tiêu phản ánh khả năng của doanh nghiệp trong việc thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền và các khoản tương đương tiền mà không cần phụ thuộc vào việc thu hồi công nợ hay bán tài sản khác. Chỉ tiêu này thể hiện mức độ linh hoạt và an toàn trong quản lý dòng tiền của doanh nghiệp.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tức thời } (H_{TT}) = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Khi $H_{TT} < 1$, điều này cho thấy doanh nghiệp có thể đang đối mặt với nguy cơ thiếu hụt tiền mặt để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn một cách linh hoạt. Tình trạng này phản ánh khả năng thanh khoản yếu, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc chi trả ngay các nghĩa vụ tài chính đến hạn, đặc biệt trong trường hợp dòng tiền hoạt động bị gián đoạn hoặc doanh thu chưa kịp thu hồi.

Ngược lại, $H_{TT} > 1$, cho thấy doanh nghiệp có khả năng tốt trong việc đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền mặt và các tài sản có tính thanh khoản cao. Điều này phản ánh tình hình tài chính ổn định và khả năng thanh toán linh hoạt, giúp doanh nghiệp chủ động hơn trước các biến động bất ngờ.

1.4.2.3. Chỉ tiêu hoạt động

Tốc độ luân chuyển tài sản ngắn hạn

Đây là chỉ tiêu phản ánh số ngày cần thiết để tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp hoàn thành một vòng chu chuyển, tức là khoảng thời gian từ khi vốn ngắn hạn được đầu tư vào sản xuất kinh doanh cho đến khi thu hồi lại được.

$$\text{Kỳ luân chuyển tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Vòng quay tài sản ngắn hạn}}$$

Kỳ luân chuyển tài sản ngắn hạn cho biết một vòng quay của tài sản ngắn hạn cần bao nhiêu ngày, hay nói cách khác, doanh nghiệp mất bao nhiêu thời gian để chuyển đổi vốn ngắn hạn đầu tư thành doanh thu. Kỳ luân chuyển càng ngắn thể hiện khả năng quản lý tài sản và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp càng tốt. Doanh nghiệp cần thường xuyên theo dõi và phân tích chỉ tiêu này để có những điều chỉnh kịp thời trong quản lý tài sản ngắn hạn và tăng cường sức mạnh tài chính.

Vòng quay khoản phải thu

Vòng quay khoản phải thu là chỉ tiêu phản ánh mức độ hiệu quả trong việc thu hồi các khoản nợ từ khách hàng và cho biết khả năng chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt trong kỳ.

$$\text{Vòng quay khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Khoản phải thu bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết mỗi đồng khoản phải thu có thể tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu trong kỳ. Nếu vòng quay khoản phải thu cao, điều đó chứng tỏ doanh nghiệp thu hồi nợ nhanh, vốn không bị chiếm dụng lâu, giúp tăng khả năng thanh toán, cải thiện dòng tiền và giảm nhu cầu vay vốn lưu động. Nếu vòng quay khoản phải thu thấp, cho thấy doanh nghiệp đang bị chiếm dụng vốn nhiều, các khoản công nợ thu hồi chậm, làm giảm tính chủ động về tài chính.

Kỳ thu tiền bình quân

Kỳ thu tiền bình quân là chỉ tiêu phản ánh số ngày trung bình cần thiết để doanh nghiệp thu hồi các khoản nợ phải thu từ khách hàng sau khi bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ.

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Vòng quay khoản phải thu}}$$

Nếu kỳ thu tiền bình quân ngắn, điều đó chứng tỏ doanh nghiệp thu hồi nợ nhanh, vốn không bị chiếm dụng lâu, giúp cải thiện dòng tiền, khả năng thanh toán và giảm nhu cầu vay vốn ngắn hạn. Đây là dấu hiệu tích cực thể hiện hiệu quả hoạt động tài chính cao và chính sách tín dụng được quản lý chặt chẽ.

Nếu kỳ thu tiền bình quân dài, điều này cho thấy doanh nghiệp thu hồi công nợ chậm, khiến vốn bị chiếm dụng nhiều, ảnh hưởng đến tính thanh khoản. Do đó việc theo dõi, phân tích và điều chỉnh kỳ thu tiền bình quân thường xuyên sẽ giúp

doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn, cải thiện khả năng thanh toán, và tăng cường vị thế cạnh tranh trên thị trường.

Vòng quay hàng tồn kho

Chỉ tiêu này cho biết số lần bình quân mà hàng tồn kho được luân chuyển trong kỳ, tức là hàng hóa được nhập, bán ra và thay thế trong quá trình sản xuất kinh doanh.

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

Hệ số vòng quay hàng tồn kho phản ánh tốc độ tiêu thụ và khả năng quản lý dự trữ hàng hóa của doanh nghiệp. Nếu vòng quay hàng tồn kho cao, điều đó cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh, hàng hóa luân chuyển hiệu quả, vốn không bị ứ đọng trong khâu dự trữ, giúp cải thiện khả năng thanh khoản và hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Tuy nhiên, nếu hệ số này quá cao, doanh nghiệp có thể thiếu hàng hóa để cung ứng kịp thời khi nhu cầu thị trường tăng đột biến, gây ra mất khách hàng hoặc giảm thị phần do không đáp ứng được đơn hàng.

Ngược lại, nếu vòng quay hàng tồn kho thấp, điều đó cho thấy tốc độ tiêu thụ chậm, hàng hóa bị ứ đọng, vốn lưu động bị chiếm dụng lâu, dẫn đến gia tăng chi phí bảo quản, lưu kho và rủi ro giảm giá trị hàng hóa.

Số ngày tồn kho

Chỉ tiêu số ngày tồn kho phản ánh thời gian trung bình cần thiết để hàng tồn kho được luân chuyển hết một vòng, tức là từ khi hàng hóa được nhập kho cho đến khi được bán ra và mang về doanh thu cho doanh nghiệp. Cho biết một vòng quay của hàng tồn kho mất bao nhiêu ngày, hay nói cách khác, doanh nghiệp cần bao nhiêu thời gian để tiêu thụ hết lượng hàng tồn kho hiện có và thu hồi vốn đầu tư vào khâu dự trữ hàng hóa.

$$Số\ ngày\ tồn\ kho = \frac{Số\ ngày\ trong\ kỳ}{Vòng\ quay\ hàng\ tồn\ kho}$$

Khi số ngày tồn kho thấp, điều đó thể hiện tốc độ luân chuyển hàng hóa nhanh, hàng tồn kho được tiêu thụ hiệu quả, vốn không bị ứ đọng lâu, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn. Ngược lại, số ngày tồn kho cao cho thấy tốc độ tiêu thụ chậm, hàng hóa bị lưu kho lâu, làm gia tăng chi phí bảo quản, rủi ro hư hỏng hoặc giảm giá trị hàng tồn và ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn và khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Vòng quay tiền

Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng tiền mặt và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cho biết trong một năm, lượng tiền mặt bình quân của doanh nghiệp quay được bao nhiêu vòng để phục vụ hoạt động kinh doanh.

$$Vòng\ quay\ tiền = \frac{Doanh\ thu\ thuần}{Tiền\ và\ các\ khoản\ tương\ đương\ tiền\ bình\ quân}$$

Vòng quay tiền càng lớn, chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng tiền mặt hiệu quả, tiền không bị ứ đọng mà được luân chuyển nhanh để phục vụ hoạt động kinh doanh, tạo ra doanh thu và lợi nhuận. Điều này thể hiện hiệu quả cao trong quản lý vốn lưu động, đồng thời phản ánh khả năng tổ chức dòng tiền linh hoạt của doanh nghiệp.

Ngược lại, nếu vòng quay tiền thấp, điều đó có thể cho thấy doanh nghiệp đang giữ lượng tiền mặt dư thừa, vốn không được đưa vào hoạt động sinh lời, hoặc dòng tiền bị đình trệ trong quá trình thu – chi. Tình trạng này kéo dài sẽ làm giảm hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn, tăng chi phí cơ hội và ảnh hưởng đến khả năng sinh lời chung của doanh nghiệp.

Thời gian vòng quay tiền

Là chỉ tiêu phản ánh số ngày trung bình cần thiết để một vòng chu chuyển tiền được hoàn thành, tức là khoảng thời gian kể từ khi doanh nghiệp bỏ tiền ra đầu tư, sản xuất cho đến khi thu hồi được doanh thu từ hoạt động kinh doanh.

$$\text{Thời gian vòng quay tiền} = \frac{\text{Thời gian kỳ phân tích}}{\text{Vòng quay tiền}}$$

Thời gian vòng quay tiền càng thấp, chứng tỏ tiền được luân chuyển nhanh, doanh nghiệp rút ngắn được chu kỳ kinh doanh, đẩy nhanh quá trình thu hồi vốn, tăng khả năng tái đầu tư và sinh lời. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy doanh nghiệp quản trị tiền mặt hiệu quả, dòng tiền ổn định và hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn cao. Nếu thời gian vòng quay tiền dài, phản ánh dòng tiền bị ứ đọng, quá trình thu hồi vốn chậm, khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đảm bảo nguồn vốn lưu động cho hoạt động thường xuyên.

1.4.3. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn

1.4.3.1. Hiệu suất sử dụng và hệ số sinh lời của tài sản dài hạn

Hiệu suất sử dụng tài sản dài hạn

Chỉ tiêu này phản ánh mức độ hiệu quả trong việc sử dụng các tài sản cố định và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp để tạo ra doanh thu trong kỳ. Chỉ tiêu này cho biết một đồng tài sản dài hạn được đầu tư trong kỳ mang lại bao nhiêu đồng doanh thu thuần.

$$\text{Hiệu suất sử dụng tài sản dài hạn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản dài hạn bình quân}}$$

Chỉ tiêu này càng cao, chứng tỏ doanh nghiệp đã sử dụng tốt tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn, tận dụng tối đa công suất hoạt động của máy móc, thiết bị, nhà xưởng và cơ sở vật chất. Thể hiện năng lực quản lý, bảo dưỡng và khai thác tài sản hợp lý, giúp doanh nghiệp gia tăng năng suất, giảm chi phí trên

đơn vị sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Ngược lại, cho thấy tài sản dài hạn chưa được sử dụng hiệu quả, làm giảm tốc độ quay vòng vốn và ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Hệ số sinh lời tài sản dài hạn

Phản ánh mức độ hiệu quả của việc sử dụng tài sản dài hạn trong quá trình tạo ra lợi nhuận sau thuế cho doanh nghiệp, cho biết mỗi 100 đồng giá trị tài sản dài hạn mà doanh nghiệp đầu tư trong kỳ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{Hệ số sinh lời tài sản dài hạn} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tài sản dài hạn bình quân}} \times 100\%$$

Hệ số này càng cao, chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng tài sản dài hạn một cách hiệu quả, tức là các tài sản cố định như máy móc, thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải,... đang hoạt động với công suất tốt, góp phần trực tiếp tạo ra lợi nhuận. Ngược lại, hệ số thấp là dấu hiệu cảnh báo về hiệu quả đầu tư, cơ cấu tài sản chưa hợp lý hoặc công tác quản lý tài sản cố định còn hạn chế.

1.4.3.2. Hiệu suất sử dụng và hệ số sinh lời của tài sản cố định

Hiệu suất sử dụng tài sản cố định

Hiệu suất sử dụng tài sản cố định là chỉ tiêu phản ánh mức độ hiệu quả trong việc khai thác tài sản cố định để tạo ra doanh thu thuần của doanh nghiệp trong kỳ.

Chỉ tiêu này cho biết một đồng tài sản cố định bình quân đem lại bao nhiêu đồng doanh thu thuần.

$$\text{Hiệu suất sử dụng tài sản cố định} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản cố định bình quân}}$$

Hệ số càng cao chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng tài sản cố định hiệu quả, khai thác tốt công suất của máy móc và dây chuyền sản xuất, góp phần tăng doanh thu

và lợi nhuận. Ngược lại, hệ số thấp cho thấy doanh nghiệp chưa tận dụng hết năng lực sản xuất, hoặc đầu tư quá nhiều vào tài sản cố định nhưng hiệu quả sử dụng chưa tương xứng, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

Tỷ suất sinh lời của tài sản cố định

Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sinh lời của tài sản cố định mà doanh nghiệp đang sử dụng, cho biết với mỗi 100 đồng giá trị tài sản cố định bình quân được sử dụng trong kỳ, doanh nghiệp tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản cố định} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Giá trị còn lại tài sản cố định bình quân}} \times 100\%$$

Tỷ suất sinh lời của tài sản cố định càng cao chứng tỏ doanh nghiệp quản lý và khai thác tốt tài sản cố định, sử dụng hiệu quả máy móc, thiết bị và cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo ra lợi nhuận. Điều này phản ánh năng lực quản trị sản xuất, trình độ công nghệ và chiến lược đầu tư hợp lý của doanh nghiệp. Hệ số cao cũng là một tín hiệu tích cực đối với nhà đầu tư, thể hiện khả năng sinh lời bền vững và tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn. Ngược lại, nếu tỷ suất sinh lời của tài sản cố định ở mức thấp, điều đó có thể cho thấy doanh nghiệp chưa tận dụng tốt tài sản hiện có, hoặc đầu tư quá mức vào tài sản cố định dẫn đến chi phí khấu hao cao, hiệu quả sử dụng vốn thấp.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG SỬ DỤNG TÀI SẢN VÀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIAO NHẬN AN PHÚ

2.1. Giới thiệu chung về công ty

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIAO NHẬN AN PHÚ

- Trụ sở đăng ký kinh doanh: Số 43 Điện Biên Phủ, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP.Hải Phòng, Việt nam.
- Email: info@anphuhp.com
- Website: anphuhp.com
- Văn phòng chính: Số 221 KĐT Vườn Hồng, Phường Hải An, TP.Hải Phòng
- Văn phòng chi nhánh:
 1. Hà Nội
 2. TP. Hồ Chí Minh

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú được thành lập từ năm 2008 tại Hải Phòng. Trải qua hơn 17 năm hoạt động, An Phú đã không ngừng lớn mạnh, từ một doanh nghiệp nhỏ ban đầu trở thành một công ty logistics chuyên nghiệp, có uy tín trên thị trường.

Trong quá trình phát triển, An Phú tập trung đầu tư vào năng lực phương tiện, hệ thống kho bãi, dịch vụ hải quan và đặc biệt là vận tải đa phương thức. Công ty đã khẳng định thế mạnh ở các mảng: dịch vụ hải quan, giao nhận hàng hóa, vận tải container và hàng rời, cùng với kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực vận chuyển thức ăn chăn nuôi và các loại hàng công nghiệp nặng.

Đến nay, An Phú đã xây dựng được mạng lưới hoạt động rộng khắp với trụ sở chính tại Hải Phòng, văn phòng đại diện tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và mối quan hệ hợp tác với nhiều hãng tàu, hãng vận tải trong và ngoài nước. Công ty đang dần khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp logistics uy tín, chuyên nghiệp, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành logistics Việt Nam.

Sứ mệnh: Là một thành viên trong hệ thống các công ty logistics tại Việt Nam, An Phú ý thức rõ sứ mệnh của mình là cung cấp cho Quý khách hàng dịch vụ logistics chất lượng, hiệu quả. Với năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải và hoạt động giao nhận hàng hóa, công ty tin tưởng sẽ đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển, phân phối hàng hóa và mang lại sự hài lòng tối đa cho khách hàng, cũng như cho các đối tác trong các dự án đấu thầu và hợp tác lâu dài.

Tầm nhìn: An Phú hướng tới trở thành một trong những doanh nghiệp logistics hàng đầu tại Việt Nam, cung cấp dịch vụ toàn diện, chuyên nghiệp, đạt chuẩn quốc tế. Công ty đặt mục tiêu xây dựng thương hiệu uy tín không chỉ trên thị trường nội địa mà còn vươn xa ra khu vực và quốc tế, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành logistics Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

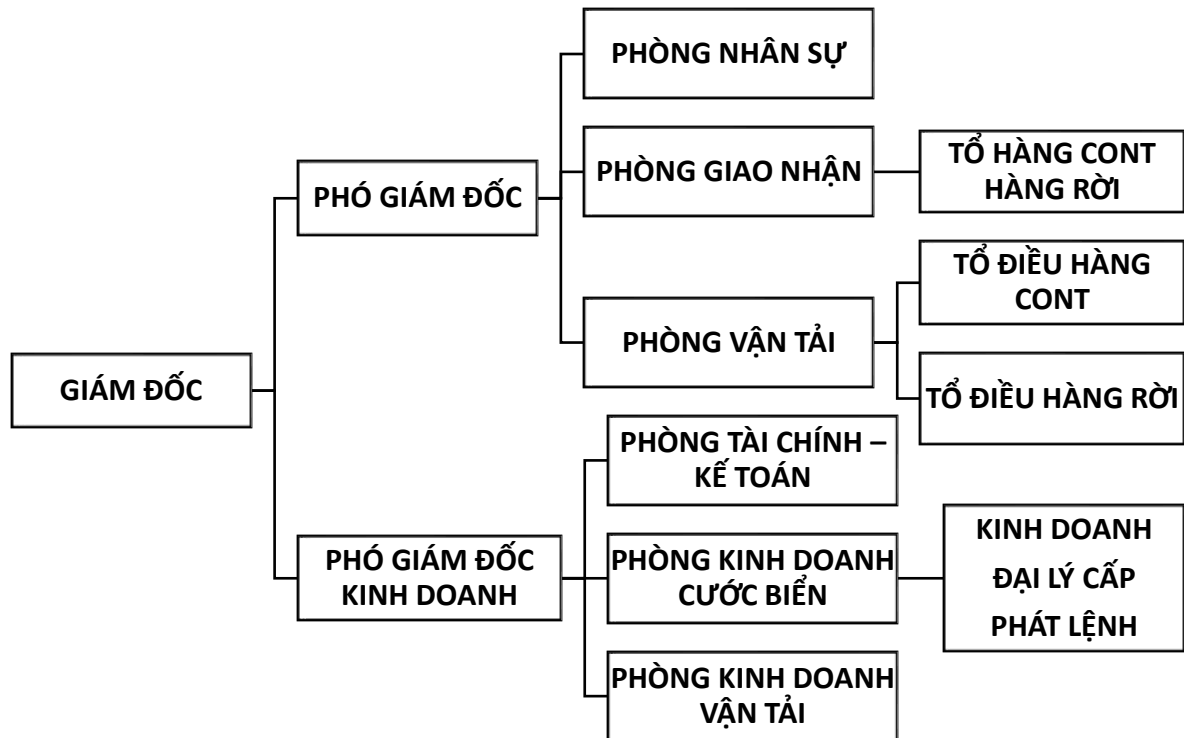
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ

Chức năng chính của An Phú là cung cấp các dịch vụ logistics trọn gói, đa dạng và chuyên nghiệp, bao gồm:

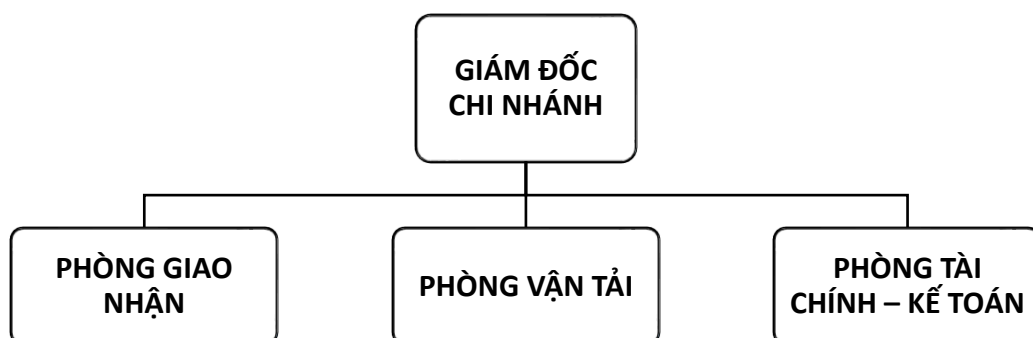
- Khai báo và tư vấn thủ tục hải quan, hỗ trợ thông quan hàng hóa nhanh chóng, chính xác.
- Dịch vụ giao nhận và kiểm đếm hàng hóa tại cảng, ICD, kho bãi.
- Vận tải hàng hóa bằng nhiều loại hình:
 - Vận tải đường bộ (hàng container, hàng rời, hàng lẻ) trên phạm vi toàn quốc.
 - Vận tải đường thủy nội địa và ven biển, kết nối Bắc – Trung – Nam.
 - Vận tải đường biển quốc tế, hợp tác với nhiều hãng tàu lớn.
 - Vận tải hàng không quốc tế, kết nối các tuyến thương mại toàn cầu.
 - Vận tải đa phương thức, kết hợp nhiều phương thức vận tải trong một hợp đồng duy nhất.
- Dịch vụ kho bãi và phân phối, bao gồm lưu kho, đóng gói, trung chuyển hàng hóa.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức

Tại trụ sở chính:



Tại các chi nhánh:



(Nguồn: Hồ sơ giới thiệu năng lực của công ty)

Công ty An Phú không chỉ hoạt động với vai trò trung gian logistics mà trực tiếp sở hữu và vận hành lực lượng phương tiện vận tải lớn. Tại khu vực cảng Hải

Phòng – Cái Lân, công ty khai thác hơn 70 xe vận chuyển hàng rời và hàng container, đồng thời bố trí thêm khoảng 50 xe tại đầu cảng Hồ Chí Minh để phục vụ nhu cầu vận chuyển, đáp ứng nhu cầu khối lượng hàng lớn. Ngoài ra, An Phú còn liên doanh liên kết với các đối tác vận tải khác, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận chuyển liên tục của khách hàng.

Hệ thống đội xe và phương tiện vận tải tại An Phú được quản lý tập trung bởi Phòng Vận tải, trong đó có các tổ chuyên môn như tổ điều hành hàng container, tổ điều hành hàng rời. Bên cạnh đó, Phòng Giao Nhận chịu trách nhiệm phối hợp hiện trường, thủ tục xuất – nhập và bàn giao hàng hóa. Mỗi bộ phận có chức năng riêng, giúp kiểm soát chất lượng dịch vụ, tối ưu kế hoạch vận tải và xử lý kịp thời các phát sinh trong quá trình giao nhận.

Song song với hoạt động vận chuyển, An Phú triển khai hệ thống kho bãi lưu trữ và trung chuyển hàng hóa tại các khu vực đầu cảng lớn, phục vụ phân loại, lưu giữ tạm thời, kiểm đếm và hoàn thiện thủ tục trước khi điều xe giao đến địa chỉ khách hàng. Hệ thống kho bãi này đóng vai trò là điểm trung gian trong chuỗi giao nhận, hỗ trợ linh hoạt cho khâu gom hàng, chia hàng, vận chuyển theo từng lô và đáp ứng yêu cầu của khách hàng có nhu cầu giao trả hàng nhiều địa điểm. Đây cũng là một phần trong mô hình khai thác logistics trọn gói mà An Phú đang vận hành.

2.1.4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2022 – 2024

Bảng 2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH**Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024****(Đơn vị: Triệu đồng)**

CHỈ TIÊU	2022	2023	2024
Doanh thu	44.069,66	50.383,07	70.465,44
Tổng chi phí	43.858,49	50.020,31	69.115,06
LNTT	211,17	453,45	1.687,97
Thuế TNDN	42,23	90,69	337,59
LNST	168,94	362,76	1.350,38

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty)

Trong giai đoạn 2022–2024, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú có nhiều chuyển biến rõ rệt, thể hiện sự nỗ lực cải thiện hiệu quả quản lý và năng lực cạnh tranh trong bối cảnh ngành logistics Việt Nam đang phát triển nhanh nhưng cũng đầy biến động. Cụ thể:

Về doanh thu:

Doanh thu của công ty tăng trưởng đều qua các năm, thể hiện xu hướng mở rộng thị trường. Năm 2022, doanh thu đạt 44.069,66 triệu đồng, đến năm 2023 tăng lên 50.383,07 triệu đồng, tương ứng mức tăng 14,33% so với năm trước. Đặc biệt, năm 2024 doanh thu tăng mạnh lên 70.465,44 triệu đồng, tăng mạnh lên 39,86% so với năm 2023.

Sự tăng trưởng này cho thấy công ty đã nắm bắt tốt cơ hội từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu sau đại dịch COVID-19, cho thấy công ty đã mở rộng được quy mô hoạt động, gia tăng số lượng hợp đồng cung ứng dịch vụ, đồng thời củng cố vị thế và uy tín trên thị trường. Đây là tín hiệu tích cực, phản ánh chiến lược kinh doanh và khai thác thị trường của công ty đang được triển khai hiệu quả.

Về chi phí:

Tổng chi phí của công ty cũng tăng tương ứng với sự mở rộng của hoạt động kinh doanh. Năm 2022, chi phí là 43.900,75 triệu đồng, năm 2023 tăng lên 50.020,31 triệu đồng (tăng 13,93%), và đến năm 2024 đạt 69.115,06 triệu đồng, tăng 38,17% so với năm trước.

Mặc dù chi phí tăng qua các năm do trong ngành logistics, chi phí vận hành thường chiếm tỷ trọng lớn, đặc biệt là chi phí nhiên liệu, nhân công, thuê kho bãi và chi phí vận chuyển, song tốc độ tăng chi phí vẫn thấp hơn tốc độ tăng doanh thu, cho thấy công ty đã kiểm soát chi phí hiệu quả và nâng cao năng suất sử dụng nguồn lực. Việc quản lý tốt chi phí là yếu tố then chốt góp phần nâng cao lợi nhuận trong giai đoạn này.

Về lợi nhuận:

Lợi nhuận sau thuế của công ty tăng mạnh trong giai đoạn 2022–2024, thể hiện hiệu quả tích cực trong quản trị và điều hành hoạt động logistics. Cụ thể, năm 2022 lợi nhuận đạt 168,94 triệu đồng, năm 2023 đạt 362,76 triệu đồng, tăng 114,77%, và đến năm 2024 tăng vọt lên 1.350,38 triệu đồng, tăng 272,25% so với năm 2023.

Đây là dấu hiệu cho thấy công ty không chỉ mở rộng quy mô mà còn cải thiện hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời khai thác tốt hơn năng lực vận hành của hệ thống logistics. Trong bối cảnh ngành logistics chịu tác động bởi biến động giá nhiên liệu và tỷ giá hối đoái, việc lợi nhuận tăng nhanh cho thấy An Phú đã thích ứng tốt với môi trường kinh doanh, linh hoạt trong điều chỉnh chiến lược về giá dịch vụ và tối ưu nguồn lực nội bộ.

Tóm lại, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú đang trong giai đoạn phát triển tích cực. Cả doanh thu, chi phí và lợi nhuận đều tăng qua từng năm, trong đó tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao hơn doanh thu, phản ánh hiệu quả hoạt động và khả năng kiểm soát chi phí của công ty ngày càng tốt. Ngoài ra, trong bối cảnh ngành logistics cạnh tranh ngày càng gay gắt, kết quả này cũng cho thấy công ty đã xây dựng được nền tảng

tài chính vững chắc, khai thác tốt thị trường và nâng cao năng lực quản trị hoạt động logistics.

2.2. Thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú

Bảng 2.2. Bảng biến động tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	Chênh lệch 2022-2023		Chênh lệch 2023-2024	
				Số tiền	%	Số tiền	%
TSNH	23.108,73	27.407,44	34.472,82	4.298,71	18,6	7.065,38	25,78
1. Tiền và tương đương tiền	4.235,12	4.853,79	6.653,14	618,67	14,61	1799,35	37,07
2. Phải thu NH	18.703,16	22.464,12	27.775,11	3.760,96	20,11	5.310,99	23,64
3. Hàng tồn kho	68,75	88,53	10,6	19,78	28,77	(77,93)	(88,03)
4. TSNH khác	101,7	1	33,97	(100,70)	(99,02)	32,97	3297
TSDH	603,99	680,97	3.117,18	76,98	12,75	2.436,21	357,76
1. TSCĐ	491,34	680,97	2.768,97	189,63	38,59	2.088	306,62
2. Đầu tư TCDH	0	0	0	0	0	0,00	0
3. TSDH khác	112,65	0	348,21	(112,65)	(100)	348,21	0
Tổng TS	23.712,72	28.088,41	37.590	4.375,69	18,45%	9.501,59	33,83

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty)

Bảng 2.3. Cơ cấu tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2022		2023		2024	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
TSNH	23.108,73	97,45	27.407,44	97,58	34.472,82	91,71
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.235,12	18,33	4.853,79	17,71	6.653,14	19,30
2. Phải thu NH	18.703,16	80,94	22.464,12	81,96	27.775,11	80,57
3. Hàng tồn kho	68,75	0,30	88,53	0,32	10,6	0,03
4. TSNH khác	101,7	0,44	1	0,004	33,97	0,1
TSDH	603,99	2,55	680,97	2,42	3.117,18	8,29
1. TSCĐ	491,34	81,35	680,97	100	2.768,97	88,83
2. Đầu tư TCDH	0	–	0	–	0	–
3. TSDH khác	112,65	18,65	0	–	348,21	11,17
Tổng TS	23.712,72	100	28.088,41	100	37.590	100

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty)

2.2.1. Quy mô và cơ cấu tổng tài sản

Trong giai đoạn 2022–2024, tổng tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú có sự tăng trưởng mạnh mẽ và ổn định, phản ánh quá trình mở rộng quy mô hoạt động và sự phát triển tích cực trong lĩnh vực logistics. Cụ thể, tổng tài sản năm 2022 đạt 23.712,72 triệu đồng, tăng lên 28.088,41 triệu đồng năm 2023 và đạt 37.590 triệu đồng năm 2024, tương ứng mức tăng lần lượt là 18,45% năm 2023 và 33,83% năm 2024. Tốc độ tăng trưởng này cho thấy doanh nghiệp đã tăng cường đầu tư vào cơ sở vật chất, nâng cao năng lực hoạt động và

mở rộng dịch vụ logistics để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Việc tổng tài sản tăng liên tục qua các năm cũng phản ánh vị thế tài chính ngày càng vững chắc và khả năng tích lũy vốn nội bộ tốt của doanh nghiệp.

2.2.2. Thực trạng sử dụng tài sản

2.2.2.1. Tài sản ngắn hạn

Từ bảng trên ta thấy TSNH chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản của công ty, mặc dù có xu hướng giảm nhẹ về tỷ trọng từ 97,45% năm 2022 xuống còn 91,71% năm 2024. Tuy nhiên, TSNH vẫn tăng mạnh từ 23.108,73 triệu đồng lên 34.472,82 triệu đồng, cho thấy doanh nghiệp vẫn duy trì lượng vốn lưu động lớn phục vụ hoạt động logistics ngắn hạn như thanh toán, dự trữ nhiên liệu, và chi phí vận hành phương tiện.

Trong cơ cấu TSNH, khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất, dao động từ 80,57% đến 80,94%, phản ánh đặc trưng của ngành logistics – khi mà doanh nghiệp thường phải ứng vốn trước để chi trả các chi phí vận tải, kho bãi, thủ tục hải quan, trong khi khách hàng thường thanh toán sau theo hợp đồng dịch vụ. Tỷ trọng khoản phải thu duy trì ổn định cho thấy quy mô hoạt động của công ty tăng lên tương ứng với sự mở rộng doanh thu, đồng thời phản ánh mối quan hệ với khách hàng được duy trì ổn định và có tính gắn kết cao trong quá trình hợp tác.

Tiền và các khoản tương đương tiền có xu hướng tăng dần qua các năm, tăng từ 4.235,12 triệu đồng (2022) lên 6.653,14 triệu đồng (2024), chiếm khoảng 18–19% tổng TSNH. Điều này cho thấy công ty duy trì mức thanh khoản tương đối tốt, đảm bảo khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Sự gia tăng của chỉ tiêu này cũng phản ánh dòng tiền hoạt động được cải thiện, phù hợp với xu hướng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong cùng kỳ.

Hàng tồn kho của công ty chủ yếu mang tính chất tạm thời, phục vụ cho các hoạt động vận chuyển, giao nhận, do đó luôn duy trì ở mức rất thấp (dưới 0,32%). Các khoản tồn kho bao gồm nhiên liệu sử dụng cho phương tiện vận chuyển, phụ tùng và vật tư thay thế như lốp xe, ắc quy... Ngoài ra, còn có các công cụ và thiết bị phục vụ

bốc xếp, giao nhận và bảo quản hàng hóa như dây buộc, bao bì, giá kệ hay kẹp chi container dùng để niêm phong hàng hóa đảm bảo an toàn, nguyên vẹn và đáp ứng yêu cầu kiểm tra của hải quan. Đặc biệt, hàng tồn kho của công ty đã giảm từ 88,53 triệu xuống còn 10,6 triệu đồng năm 2024, cho thấy công ty đã siết chặt công tác quản lý vật tư, hạn chế dự trữ không cần thiết, đồng thời mua và sử dụng theo nhu cầu thực tế, qua đó đẩy nhanh tốc độ luân chuyển hàng hóa và giảm chi phí lưu trữ.

2.2.2.2. Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn tuy chiếm tỷ trọng nhỏ trong giai đoạn đầu, chỉ chiếm 2,55% năm 2022 nhưng lại tăng lên 8,29% năm 2024, cho thấy công ty đang chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hướng dài hạn và bền vững hơn. Sự gia tăng của TSDH chủ yếu đến từ TSCĐ, phản ánh việc công ty đã đầu tư thêm vào phương tiện vận tải, kho bãi, trang thiết bị và hệ thống công nghệ phục vụ hoạt động logistics, thể hiện chiến lược nâng cao năng lực hạ tầng và công nghệ để tăng năng suất và giảm chi phí vận hành trong dài hạn.

Đặc biệt qua bảng cơ cấu tài sản, có thể thấy Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú không phát sinh khoản đầu tư TCDH trong giai đoạn 2022–2024. Điều này phản ánh chiến lược tập trung nguồn vốn vào hoạt động kinh doanh cốt lõi trong lĩnh vực logistics, thay vì phân bổ vốn sang các khoản đầu tư tài chính dài hạn như góp vốn liên doanh, mua cổ phần hoặc đầu tư vào các dự án tài chính khác.

Việc không đầu tư TCDH cũng cho thấy An Phú đang ưu tiên tăng tính linh hoạt của dòng tiền, đảm bảo khả năng quay vòng vốn nhanh cho các hoạt động như vận tải, kho bãi, khai thuế hải quan và dịch vụ logistics tích hợp. Đây là đặc điểm phổ biến của các doanh nghiệp logistics quy mô vừa và nhỏ, nơi hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn và tốc độ luân chuyển vốn đóng vai trò quan trọng hơn so với hiệu quả đầu tư TCDH.

TSDH khác của công ty biến động theo chiều hướng tăng trở lại vào năm 2024. Cụ thể, năm 2022 ghi nhận 112,65 triệu đồng, sang năm 2023 không phát

sinh khoản mục này, cho thấy doanh nghiệp chưa có chi phí trả trước dài hạn cần phân bổ. Tuy nhiên đến năm 2024, tài sản dài hạn khác tăng mạnh lên 348,21 triệu đồng, phản ánh việc doanh nghiệp đã ghi nhận trở lại các khoản chi phí phục vụ hoạt động nhiều kỳ. Các khoản này chủ yếu liên quan đến chi phí bảo hiểm và sửa chữa lớn phương tiện vận tải, chi phí thuê hạ tầng kho bãi dài hạn. Qua đó cho thấy định hướng đầu tư dài hạn của công ty, nhằm ổn định chi phí vận hành, nâng cao năng lực hệ thống và hỗ trợ tăng trưởng hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

Tóm lại, cơ cấu tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022–2024 phản ánh rõ xu hướng mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Mặc dù tài sản ngắn hạn vẫn chiếm ưu thế do đặc thù của ngành logistics, song sự gia tăng tỷ trọng của tài sản dài hạn cho thấy doanh nghiệp đang từng bước đầu tư có chiều sâu, hướng đến phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Cơ cấu tài sản dần chuyển dịch theo hướng hợp lý và hiệu quả hơn, đảm bảo sự cân đối giữa khả năng thanh khoản ngắn hạn và khả năng sinh lời dài hạn, tạo tiền đề vững chắc cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của doanh nghiệp.

2.3. Phân tích những chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú

Từ cơ cấu và quy mô tài sản đã phân tích, có thể thấy Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú đang duy trì lượng tài sản tương đối ổn định. Tuy nhiên, để đánh giá toàn diện hơn về khả năng khai thác và quản trị nguồn lực này, cần xem xét sâu hơn hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Việc phân tích các chỉ tiêu phản ánh hiệu suất và khả năng sinh lời của tài sản sẽ giúp làm rõ mức độ tận dụng vốn đầu tư, khả năng tạo DT và LN, từ đó việc đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản là cơ sở quan trọng giúp công ty tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững hơn.

2.3.1. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tổng tài sản

Bảng 2.4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tổng tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	Chênh lệch 2022-2023	Chênh lệch 2023-2024
1. DTT	43.796,33	50.336,67	70.435,32		
2. Tổng TS	23.712,72	28.088,41	37.590		
3. LNST	168,94	362,76	1.350,38		
Số vòng quay TS (vòng)	1,85	1,79	1,87	-0,05	0,08
Tỷ suất sinh lời của TS (%)	0,79	1,4	4,11	0,61	2,71
Suất hao phí của TS so với DTT	0,49	0,51	0,47	0,02	-0,05
Suất hao phí của TS so với LNST	127,13	71,4	24,32	-55,73	-47,08

Về vòng quay tổng tài sản

Có thể thấy hệ số vòng quay tổng tài sản của công ty An Phú dao động ở quanh mức 1,8 lần, cụ thể: năm 2022 đạt 1,85 lần, giảm nhẹ xuống 1,79 lần vào năm 2023, sau đó tăng trở lại lên 1,87 lần vào năm 2024.

Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của công ty là ổn định, với mức cải thiện nhẹ ở năm 2024 sau khi giảm trong năm 2023. Sự sụt giảm vào năm 2023 có thể do công ty tăng quy mô đầu tư tài sản, đặc biệt là tài sản cố định, khiến cho hiệu suất khai thác tài sản chưa được phản ánh ngay trong doanh thu. Tuy nhiên, việc chỉ số tăng trở lại trong năm 2024 cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản đã được cải thiện, khi các khoản đầu tư bắt đầu phát huy tác dụng trong hoạt động logistics, giúp công ty tạo ra nhiều doanh thu hơn từ mỗi đồng tài sản.

Tỷ suất sinh lời tài sản (ROA)

Giai đoạn 2022–2024 ghi nhận sự cải thiện rõ rệt trong tỷ suất sinh lời của tổng tài sản của công ty An Phú. Chỉ tiêu này tăng liên tục từ 0,79% năm 2022

lên 1,4% năm 2023 và đạt 4,11% năm 2024. Điều này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của công ty được nâng cao đáng kể, khi mỗi đồng vốn đầu tư vào tài sản mang lại lợi nhuận cao hơn qua từng năm.

Kết quả tích cực này cho thấy công ty đã phát huy tốt năng lực khai thác tài sản, đặc biệt là nhóm tài sản phục vụ hoạt động logistics như phương tiện vận tải, kho bãi và trang thiết bị công nghệ. Đồng thời, sự gia tăng của ROA cũng phần nào thể hiện quá trình tái cơ cấu tài sản theo hướng tập trung vào những hạng mục có khả năng tạo giá trị cao như đầu tư vào phương tiện vận tải hiện đại, hệ thống kho bãi đạt chuẩn tối ưu tuyến đường vận chuyển... Nhờ vậy mà công ty không chỉ nâng cao năng suất khai thác tài sản mà còn cải thiện chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh trên thị trường, góp phần nâng cao hiệu quả chung của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Suất hao phí của tài sản so với doanh thu thuần

Chỉ tiêu này duy trì ở mức tương đối ổn định trong giai đoạn 2022–2024, lần lượt đạt 0,49 – 0,51 – 0,47, cho thấy cơ cấu và hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp không có biến động lớn. Năm 2023, hệ số tăng nhẹ lên 0,51 có thể xuất phát từ việc mở rộng quy mô hoạt động, kéo theo nhu cầu đầu tư thêm tài sản cố định. Tuy nhiên, đến năm 2024, hệ số giảm còn 0,47 cho thấy doanh nghiệp đã sử dụng khối tài sản đầu tư mới một cách hiệu quả hơn, giúp doanh thu tăng nhanh hơn tốc độ tăng tài sản.

Diễn biến này phản ánh xu hướng tích cực, khi công ty duy trì được hiệu suất sử dụng tài sản ổn định trong bối cảnh phải đầu tư để mở rộng năng lực vận hành, cho thấy sự cân đối hợp lý giữa tăng trưởng doanh thu và đầu tư tài sản.

Suất hao phí của tài sản so với lợi nhuận sau thuế

Chỉ tiêu này giảm mạnh từ 127,13 lần năm 2022 xuống 71,4 lần năm 2023 và chỉ còn 24,32 lần năm 2024. Sự sụt giảm liên tục này là dấu hiệu tích cực, cho thấy mức sinh lời của tài sản tăng lên rõ rệt qua từng năm. Nói cách khác, để tạo ra cùng một đồng lợi nhuận, công ty ngày càng cần ít tài sản hơn.

Xu hướng này phản ánh hiệu quả khai thác và sử dụng tài sản của Công ty An Phú ngày càng cao, đặc biệt là khả năng chuyển hóa giá trị tài sản thành lợi nhuận thực tế. Đây là kết quả của việc nâng cao năng lực quản trị vận hành, tiết giảm chi phí và tăng năng suất khai thác tài sản, giúp hiệu quả kinh doanh được cải thiện đáng kể trong bối cảnh thị trường logistics đang cạnh tranh gay gắt.

Phân tích theo mô hình tài chính Dupont:

Để đánh giá sâu hơn hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú, ta xem xét mối quan hệ giữa tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) với hiệu suất sử dụng tài sản (SOA) và tỷ suất sinh lời doanh thu (ROS) theo mô hình tài chính Dupont, thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.5. Mức ảnh hưởng của SOA và ROS lên ROA

Chỉ tiêu	2022	2023	2024
1. DTT	43.796,33	50.336,67	70.435,32
2. LNST	168,94	362,76	1.350,38
SOA (Lần)	1,85	1,79	1,87
ROS (%)	0,39	0,72	1,92
Ảnh hưởng của SOA (%)	–	-0,02	0,06
Ảnh hưởng của ROS (%)	–	0,6	2,24

Giai đoạn 2022–2023, ROS của công ty An Phú tăng nhẹ từ 0,39% lên 0,72%, cho thấy doanh nghiệp đã bắt đầu kiểm soát chi phí hiệu quả hơn và cải thiện được lợi nhuận trên doanh thu. Tuy nhiên, SOA lại giảm nhẹ từ 1,85 lần xuống 1,79 lần, phản ánh việc mở rộng quy mô tài sản nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu. Mức ảnh hưởng của SOA đến ROA giảm 0,02%, trong khi ROS đóng góp tích cực 0,6%, cho thấy trong giai đoạn này hiệu quả sinh lời chủ yếu được cải thiện nhờ biên lợi nhuận tăng, chứ không phải do tốc độ quay vòng tài sản.

Bước sang giai đoạn 2023–2024, cả hai chỉ tiêu SOA và ROS đều tăng trở lại, trong đó ROS tăng mạnh từ 0,72% lên 1,92%, giúp ROA cải thiện đáng kể.

Mức ảnh hưởng của ROS tăng thêm 2,24%, trong khi SOA cũng tăng nhẹ 0,06%, cho thấy doanh nghiệp không chỉ quản lý chi phí tốt hơn mà còn khai thác tài sản hiệu quả hơn.

Nhìn chung, qua kết quả phân tích Dupont đã cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của An Phú được cải thiện chủ yếu nhờ tăng khả năng sinh lời doanh thu, còn hiệu suất vòng quay tài sản lại giữ vai trò ổn định và hỗ trợ. Qua đó, cũng cho thấy công ty đã khai thác hợp lý nguồn lực hiện có để tạo ra lợi nhuận cao hơn mà không cần mở rộng tài sản quá nhanh, góp phần nâng cao hiệu quả tổng thể của hoạt động kinh doanh.

2.3.2. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn

2.3.2.1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Bảng 2.6. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	2022	2023	2024
1. TSNH	23.108,73	27.407,44	34.472,82
2. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.235,12	4.853,79	6.653,14
3. Hàng tồn kho	68,75	88,53	10,6
4. Nợ NH	17.144,61	20.364,35	28.515,56
Hệ số thanh toán hiện thời	1,348	1,346	1,209
Hệ số thanh toán tức thời	0,247	0,238	0,233
Hệ số thanh toán nhanh	1,344	1,342	1,209

Dựa trên bảng số liệu, các hệ số thanh toán nhận An Phú giai đoạn 2022–2024 có xu hướng giảm nhẹ, cụ thể:

Hệ số thanh toán hiện thời giảm từ 1,348 năm 2022 xuống 1,209 năm 2024, cho thấy khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn vẫn ở mức an toàn (trên 1), nhưng xu hướng giảm thể hiện áp lực thanh toán có phần tăng lên. Điều này phần nào bắt nguồn từ việc nợ ngắn hạn tăng nhanh hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn, khi doanh nghiệp mở rộng hoạt động và cần nhiều vốn lưu động hơn.

Hệ số thanh toán tức thời duy trì quanh mức 0,23–0,25, cho thấy khả năng thanh toán nhanh bằng tiền và các khoản tương đương tiền chưa cao. Mặc dù lượng tiền mặt của công ty tăng đều qua các năm, song mức tăng này không tương xứng với quy mô nợ ngắn hạn, dẫn đến khả năng thanh toán bằng nguồn tiền sẵn có vẫn còn hạn chế.

Tương tự, hệ số thanh toán nhanh giảm nhẹ từ 1,344 năm 2022 xuống 1,209 năm 2024, phản ánh xu hướng giống với hệ số thanh toán hiện thời. Dù vẫn đảm bảo trên mức tối thiểu, nhưng sự sụt giảm này cho thấy doanh nghiệp đang sử dụng nhiều hơn nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh.

Tổng thể, các hệ số thanh toán của An Phú vẫn nằm trong ngưỡng an toàn, thể hiện khả năng đáp ứng nghĩa vụ tài chính ngắn hạn tương đối tốt. Tuy nhiên, xu hướng giảm dần qua các năm cảnh báo doanh nghiệp cần chú ý cân đối dòng tiền, tránh rủi ro thanh khoản trong bối cảnh quy mô hoạt động và nợ ngắn hạn ngày càng gia tăng.

2.3.2.2. Nhóm chỉ tiêu hoạt động

Vòng quay tài sản ngắn hạn

Bảng 2.7. Vòng quay tài sản ngắn hạn

Chỉ tiêu	2022	2023	2024
1. DTT	43.796,33	50.336,67	70.435,32
2. TSNH bình quân	21.025,85	25.258,09	30.940,13
Vòng quay TSNH (vòng)	2,08	1,99	2,28
Kỳ luân chuyển TSNH (ngày)	172,83	180,64	158,14

Vòng quay tài sản ngắn hạn của công ty An Phú giai đoạn 2022–2024 có sự biến động nhẹ, cụ thể:

Vòng quay TSNH giảm nhẹ từ 2,08 vòng năm 2022 xuống 1,99 vòng năm 2023, sau đó tăng lên 2,28 vòng năm 2024. Điều này cho thấy trong năm 2023, hiệu quả sử dụng TSNH có phần chững lại, do sự gia tăng của các khoản phải thu

ngắn hạn và hàng tồn kho. Tuy nhiên, sang năm 2024, vòng quay TSNH tăng trở lại, chứng tỏ công ty đã cải thiện được tốc độ luân chuyển vốn lưu động, thu hồi công nợ nhanh hơn và sử dụng tài sản ngắn hạn hiệu quả hơn để tạo doanh thu.

Cùng với đó là sự rút ngắn thời gian luân chuyển TSNH từ 173 ngày xuống còn 158 ngày vào năm 2024 cho thấy việc dòng vốn của công ty được quay vòng nhanh hơn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Nhìn chung, vòng quay TSNH của công ty đã cho thấy xu hướng cải thiện tích cực vào năm 2024, chứng tỏ doanh nghiệp đang quản lý tài sản ngắn hạn ngày càng hiệu quả hơn.

Các chỉ tiêu thành phần trong tài sản ngắn hạn

Bảng 2.8. Các chỉ tiêu thành phần trong tài sản ngắn hạn

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2023	2024
1. Doanh thu thuần	Triệu đồng	43.796,33	50.336,67	70.435,32
2. Giá vốn bán hàng	Triệu đồng	41.595,33	46.968,25	65.676,45
3. Phải thu NH	Triệu đồng	18.703,16	22.464,12	27.775,11
4. Hàng tồn kho	Triệu đồng	68,75	88,53	10,6
5. Tiền và các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	4.235,12	4.853,79	6.653,14
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	2,53	1,22	2,8
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	142,21	294,42	128,39
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	668,25	597,26	1325,06
Số ngày tồn kho	Ngày	0,54	0,60	0,27
Vòng quay tiền	Vòng	11,06	11,08	12,24
Thời gian vòng quay tiền	Ngày	32,56	32,50	29,41

Vòng quay khoản phải thu và kỳ thu tiền bình quân:

Năm 2022, vòng quay khoản phải thu đạt 2,53 vòng, tương ứng với kỳ thu tiền bình quân 142,21 ngày, cho thấy tốc độ thu hồi công nợ ở mức tương đối ổn định. Tuy nhiên, sang năm 2023, vòng quay khoản phải thu giảm mạnh xuống còn 1,22 vòng, kéo theo kỳ thu tiền bình quân tăng lên 294,42 ngày. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản phải thu của công ty tăng đáng kể, do áp dụng chính sách bán chịu để duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng. Đây là tình trạng phổ biến trong ngành logistics khi doanh nghiệp phải ứng vốn trước cho các chi phí vận tải, kho bãi và hải quan.

Đến năm 2024, vòng quay khoản phải thu tăng mạnh trở lại lên 2,8 vòng, trong khi kỳ thu tiền bình quân giảm xuống còn 128,39 ngày. Sự cải thiện này xuất phát từ việc doanh nghiệp thu hồi được công nợ nhanh hơn, đồng thời kiểm soát tốt hơn chính sách tín dụng thương mại, giúp giảm bớt áp lực dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn.

Vòng quay hàng tồn kho và số ngày tồn kho:

Giai đoạn 2022–2024, vòng quay hàng tồn kho có xu hướng tăng mạnh, từ 668,25 vòng năm 2022 lên 1.325,06 vòng năm 2024, trong khi số ngày tồn kho giảm mạnh từ 0,54 ngày xuống 0,27 ngày. Nguyên nhân là do hàng tồn kho của công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ chỉ khoảng 0,03–0,3%, đồng thời công ty cũng thực hiện các biện pháp tối ưu hóa hoạt động lưu kho, giảm lượng hàng dự trữ, đặc biệt là trong bối cảnh logistics hướng đến mô hình vận hành tinh gọn (lean logistics) nhằm cắt giảm tồn kho, rút ngắn thời gian giao hàng giúp tiết kiệm chi phí. Điều này cho thấy An Phú đã khai thác tốt năng lực kho bãi và giảm thiểu thời gian lưu trữ hàng hóa, góp phần tăng tốc độ luân chuyển vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động ngắn hạn.

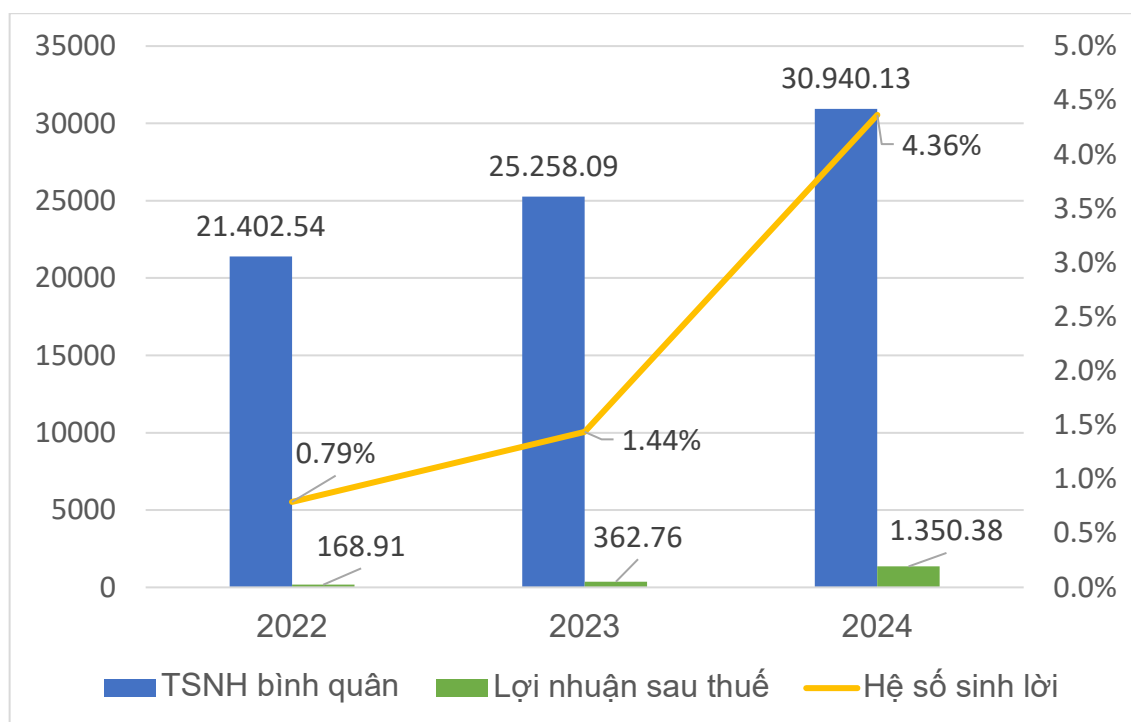
Vòng quay tiền và thời gian vòng quay tiền:

Trong ba năm, vòng quay tiền tăng nhẹ từ 11,06 vòng năm 2022 lên 12,24 vòng năm 2024, trong khi thời gian vòng quay tiền giảm từ 32,56 ngày xuống

29,41 ngày. Diễn biến này phản ánh khả năng quản trị dòng tiền của công ty đang dần được cải thiện, nhờ rút ngắn thời gian thu hồi vốn và giảm chi phí hoạt động trung gian.

Sự gia tăng nhẹ của vòng quay tiền cũng cho thấy hiệu quả sử dụng dòng tiền trong chu kỳ kinh doanh đã được nâng cao, khi công ty vẫn duy trì được mức thanh khoản tốt mà vẫn mở rộng được quy mô kinh doanh.

2.3.2.3. Khả năng sinh lời của tài sản ngắn hạn



Biểu đồ 2.1. Hệ số sinh lời của tài sản ngắn hạn của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024

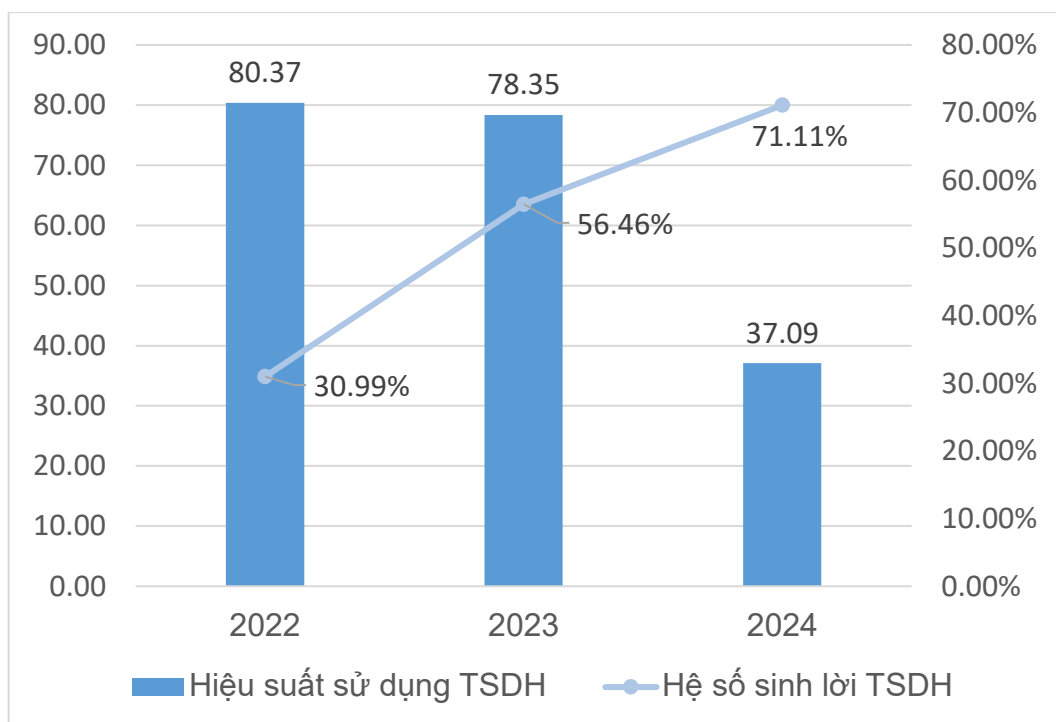
Trong giai đoạn 2022–2024, hiệu quả sinh lời của tài sản ngắn hạn của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú có xu hướng tăng rõ rệt và ổn định. Cụ thể, hệ số sinh lời tài sản ngắn hạn tăng từ 0,79% năm 2022 lên 1,44% năm 2023, và đạt 4,36% năm 2024. Điều này cho thấy cứ 100 đồng vốn đầu tư vào tài sản ngắn hạn, công ty thu được 4,36 đồng lợi nhuận sau thuế trong năm 2024 – gấp hơn 5 lần so với năm 2022.

Nguyên nhân chủ yếu của sự cải thiện này là do lợi nhuận sau thuế tăng mạnh, từ 168,91 triệu đồng năm 2022 lên tới 1.350,38 triệu đồng năm 2024, trong khi

tài sản ngắn hạn bình quân chỉ tăng từ 21.402,54 triệu đồng lên 30.940,13 triệu đồng. Tốc độ tăng lợi nhuận nhanh hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn, cho thấy An Phú đã sử dụng tài sản ngắn hạn hiệu quả hơn trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là những chiến lược và chính sách tối ưu hoá hợp lý của công ty.

2.3.3. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn

2.3.3.1. Hiệu suất sử dụng và hệ số sinh lời của tài sản dài hạn



Biểu đồ 2.2. Hiệu suất sử dụng và hệ số sinh lời tài sản dài hạn của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024

Từ biểu đồ trên có thể thấy hiệu suất sử dụng và hệ số sinh lời của tài sản dài hạn của công ty An Phú có sự biến động rõ rệt, phản ánh quá trình tái cơ cấu đầu tư và khai thác tài sản dài hạn trong hoạt động kinh doanh.

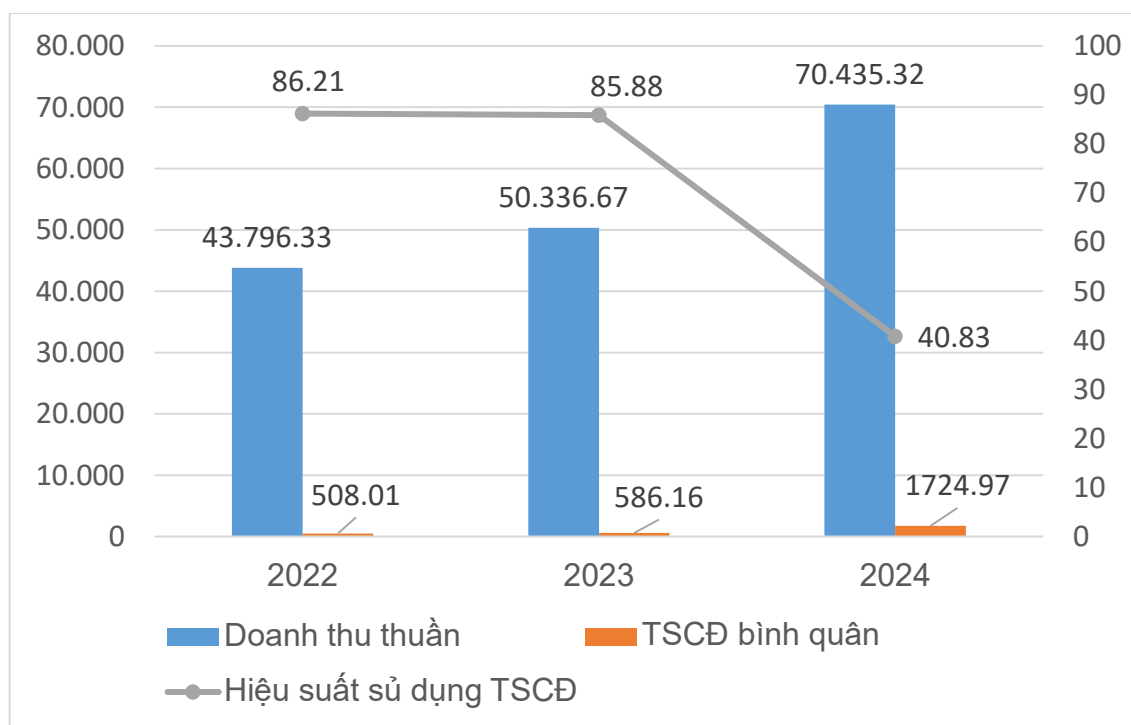
Cụ thể, hiệu suất sử dụng TSDH (phản ánh mức doanh thu tạo ra từ mỗi đồng tài sản dài hạn) có xu hướng giảm mạnh từ 80,37 lần năm 2022 xuống 78,35 lần năm 2023 và chỉ còn 37,09 lần năm 2024. Sự sụt giảm này cho thấy trong năm 2024, mặc dù doanh thu tăng, nhưng tốc độ tăng của tài sản dài hạn lớn hơn nhiều, do công ty đầu tư thêm vào phương tiện vận tải, kho bãi và hạ tầng công nghệ phục vụ logistics. Việc mở rộng quy mô đầu tư này khiến hiệu suất khai thác ngắn

hạn tạm thời giảm, đây cũng là dấu hiệu của chiến lược tích lũy tài sản để tăng năng lực hoạt động lâu dài.

Ngược lại, hệ số sinh lời của TSDH lại có xu hướng tăng mạnh và ổn định, từ 30,99% năm 2022 lên 71,11% năm 2024. Điều này phản ánh rằng các tài sản đầu tư dài hạn bắt đầu phát huy hiệu quả sinh lợi, giúp công ty thu được lợi nhuận cao hơn trên mỗi đồng vốn cố định bỏ ra. Sự gia tăng này có thể đến từ hiệu quả khai thác đội xe vận tải, hệ thống kho bãi và phần mềm quản lý logistics, giúp giảm chi phí vận hành và tăng năng suất phục vụ khách hàng.

Tóm lại, trong khi hiệu suất sử dụng tài sản dài hạn giảm do quá trình đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, thì hệ số sinh lời lại tăng mạnh, phản ánh sự chuyển biến tích cực trong hiệu quả sử dụng vốn cố định của An Phú. Điều này cho thấy công ty đang dần khai thác tốt hơn các khoản đầu tư dài hạn.

2.3.3.2. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định



Biểu đồ 2.3. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022 – 2024

Qua biểu đồ trên, có thể thấy hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú có xu hướng giảm dần rõ rệt

trong giai đoạn 2022–2024. Cụ thể, chỉ tiêu này giảm nhẹ từ 86,21 lần năm 2022 xuống 85,88 lần năm 2023, sau đó giảm mạnh còn 40,83 lần năm 2024.

Mặc dù doanh thu thuần của công ty liên tục tăng, từ 43.796,33 triệu đồng năm 2022 lên 70.435,32 triệu đồng năm 2024, nhưng hiệu suất sử dụng TSCĐ lại giảm do tốc độ tăng của TSCĐ bình quân cao hơn so với tốc độ tăng doanh thu. Cụ thể, giá trị TSCĐ bình quân tăng hơn 3 lần, từ 508,01 triệu đồng năm 2022 lên 1.724,97 triệu đồng năm 2024, trong khi doanh thu chỉ tăng khoảng 1,6 lần. Nguyên nhân của sự chênh lệch này chủ yếu xuất phát từ việc công ty tăng cường đầu tư vào tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh, dẫn đến hiệu suất sử dụng TSCĐ giảm tạm thời.

Ngoài ra, thị trường logistics trong giai đoạn này chịu tác động từ biến động giá nhiên liệu và chi phí vận hành tăng cao, cũng là nguyên nhân làm cho tốc độ tăng doanh thu chậm hơn so với quy mô đầu tư tài sản. Bên cạnh đó, do quá trình điều chỉnh hoạt động, đào tạo nhân sự và mở rộng tuyến vận tải vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện của công ty, khiến cho một phần tài sản mới đầu tư chưa được khai thác hết công suất.

2.4. Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú

2.4.1. Ưu điểm

Trong giai đoạn 2022–2024, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú có sự cải thiện rõ rệt, thể hiện trước hết ở khả năng sinh lời của tài sản. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản tăng mạnh từ 0,79% năm 2022 lên 4,11% năm 2024, phản ánh việc công ty đã chuyển hóa vốn đầu tư thành lợi nhuận hiệu quả hơn. Điều này cho thấy chính sách vận hành, quản trị chi phí và khai thác tài sản đã đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, suất hao phí tài sản để tạo ra lợi nhuận cũng giảm đáng kể (từ 127,13 lần xuống còn 24,32 lần), cho thấy mỗi đồng tài sản bỏ ra đem lại lợi ích cao hơn so với các năm trước.

Ngoài ra, nhóm tài sản ngắn hạn được sử dụng hiệu quả hơn qua từng năm. Hệ số sinh lời tài sản ngắn hạn tăng liên tục (từ 0,79% lên 4,36%), đồng thời vòng quay tài sản ngắn hạn được cải thiện, đặc biệt năm 2024 đạt mức cao nhất trong kỳ (2,28 vòng). Thời gian thu hồi công nợ rút ngắn đáng kể cho thấy công ty đã kiểm soát tốt hoạt động thu hồi vốn, giảm tình trạng bị chiếm dụng vốn. Diễn biến này có ý nghĩa lớn đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics – nơi luôn cần nguồn vốn lưu động lớn để ứng trước chi phí đầu vào.

Không chỉ vậy, các khoản đầu tư dài hạn cũng bắt đầu phát huy hiệu quả, thể hiện qua tỷ suất sinh lời tài sản dài hạn tăng mạnh qua các năm (từ 30,99% năm 2022 lên 71,11% năm 2024). Điều này phản ánh việc đầu tư vào phương tiện vận tải, kho bãi và ứng dụng công nghệ đã hỗ trợ tăng chất lượng dịch vụ, cải thiện năng lực cạnh tranh và góp phần gia tăng lợi nhuận.

2.4.2. Nhược điểm

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty An Phú vẫn tồn tại một số hạn chế. Trước hết, hiệu suất sử dụng tài sản dài hạn và tài sản cố định có xu hướng giảm. Việc đầu tư mở rộng tài sản cố định diễn ra nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu khiến một phần tài sản chưa được khai thác đầy đủ, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. Điều này cho thấy quá trình mở rộng cơ sở hạ tầng, phương tiện vận tải và kho bãi chưa thể tạo ra doanh thu tương ứng ngay trong kỳ.

Bên cạnh đó, khả năng thanh toán của công ty có xu hướng giảm nhẹ qua các năm. Hệ số thanh toán hiện thời giảm dần, trong khi hệ số thanh toán tức thời duy trì ở mức thấp chỉ khoảng 0,23–0,25 lần, cho thấy công ty đang chịu áp lực thanh khoản nhất định. Điều này xuất phát từ việc nợ ngắn hạn tăng nhanh, dẫn đến rủi ro mất cân đối dòng tiền trong ngắn hạn. Đặc biệt, năm 2023 doanh nghiệp gặp khó khăn trong thu hồi công nợ, thể hiện qua kỳ thu tiền bình quân tăng cao (tăng lên gần 300 ngày), gây ảnh hưởng tiêu cực tới vòng quay vốn và làm tăng rủi ro mất cân đối dòng tiền.

Nhìn tổng thể, dù hiệu quả sử dụng tài sản của An Phú đã được cải thiện đáng kể, đặc biệt về khả năng sinh lời, nhưng việc khai thác tài sản dài hạn chưa tương xứng với quy mô đầu tư là vấn đề cần được quan tâm. Trong giai đoạn tiếp theo, công ty cần tối ưu hiệu suất vận hành của tài sản cố định và quản trị dòng tiền chặt chẽ hơn nhằm đảm bảo tính bền vững của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết luận chương 2

Trong giai đoạn 2022–2024, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú đã đạt được những kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là về hiệu quả sử dụng tài sản. Qua việc phân tích các chỉ tiêu tài chính, có thể nhận thấy hiệu quả hoạt động của công ty chịu ảnh hưởng lớn từ khả năng khai thác và quản lý tài sản trong từng giai đoạn.

Những kết quả nổi bật công ty đã đạt được:

- Hiệu quả sử dụng tổng tài sản và khả năng sinh lời của tài sản có xu hướng được cải thiện, phản ánh sự chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và quản lý chi phí.

- Hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn được duy trì ổn định, cho thấy công ty đã phát huy tốt nguồn vốn lưu động để đáp ứng nhu cầu hoạt động logistics.

- Tỷ suất sinh lời của tài sản ngắn hạn và dài hạn đều tăng, đặc biệt năm 2024, nhờ vào việc mở rộng quy mô hoạt động, tăng doanh thu và tối ưu hóa khai thác tài sản hiện có.

- Việc đầu tư vào tài sản cố định và tài sản dài hạn bắt đầu mang lại hiệu quả, thể hiện định hướng phát triển theo chiều sâu và nâng cao năng lực vận hành của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một số hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài sản:

- Cơ cấu tài sản chưa thực sự hợp lý, tỷ trọng tài sản ngắn hạn vẫn chiếm ưu thế lớn.

– Quản lý khoản phải thu còn hạn chế, thời gian thu hồi vốn dài làm giảm khả năng thanh khoản và hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

– Hiệu suất sử dụng tài sản cố định giảm do tốc độ đầu tư tăng nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu, khiến tài sản chưa được khai thác hết công suất.

– Một số tài sản đầu tư mới chưa mang lại lợi nhuận tương xứng do chi phí vận hành và khấu hao còn cao.

Từ những kết quả và hạn chế trên có thể thấy, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, song vẫn cần tiếp tục điều chỉnh cơ cấu đầu tư, cải thiện công tác quản lý vốn và tăng cường khai thác hiệu quả tài sản hiện có.

Từ những nội dung đánh giá trên sẽ là cơ sở để chương 3 đề xuất các biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại, đồng thời phát huy tối đa hiệu quả sử dụng tài sản, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững cho doanh nghiệp trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIAO NHẬN AN PHÚ

3.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn

3.1.1. Giải pháp về khoản phải thu

Cơ sở của giải pháp:

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú, khoản phải thu luôn chiếm tỷ trọng lớn và có biến động đáng kể qua từng năm. Điều này xuất phát từ đặc thù ngành logistics, khi doanh nghiệp phải ứng trước chi phí vận tải, lưu kho và dịch vụ liên quan, trong khi khách hàng chỉ thanh toán sau khi dịch vụ hoàn tất. Do đó, khoản phải thu không chỉ ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn mà còn quyết định mức độ chủ động trong việc sử dụng tài sản và quản lý dòng tiền. Thực tế cho thấy sự thay đổi mạnh giữa các năm trong các chỉ tiêu hiệu quả liên quan đến khoản phải thu đã ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ luân chuyển vốn, khả năng đáp ứng nghĩa vụ tài chính ngắn hạn cũng như hiệu quả sinh lời trên tài sản. Chính vì vậy, việc đề xuất giải pháp nhằm kiểm soát và tối ưu quản lý khoản phải thu là cần thiết để nâng cao hiệu quả sử dụng

Nội dung thực hiện giải pháp:

Để quản lý khoản phải thu hiệu quả hơn, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú cần triển khai hệ thống giải pháp đồng bộ, mang tính chuyên sâu và mang tính quy chuẩn hơn so với giai đoạn trước.

Trước hết, công ty cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tín dụng khách hàng theo hướng chuẩn hóa. Bộ tiêu chí này nên bao gồm thông tin về năng lực tài chính, uy tín thanh toán, tần suất phát sinh giao dịch, lịch sử hợp tác và mức độ đóng góp doanh thu hàng năm. Việc phân loại khách hàng theo thang điểm tín dụng giúp công ty chủ động xác định được nhóm khách hàng rủi ro cao để có

chính sách giám sát chặt chẽ hơn, đồng thời ưu tiên các khách hàng có lịch sử thanh toán tốt.

Bên cạnh đó, hạn mức tín dụng cần được xác định rõ ràng dựa trên mức doanh số trung bình, thời gian hợp tác và khả năng chi trả của từng khách hàng. Thay vì áp dụng hạn mức giống nhau cho toàn bộ khách hàng, doanh nghiệp có thể phân nhóm và thiết lập hạn mức theo từng loại hình khách hàng như nhóm chiến lược, nhóm tiềm năng, nhóm rủi ro trung bình và nhóm rủi ro cao. Việc thiết lập hạn mức này sẽ giúp doanh nghiệp chủ động kiểm soát tổng dư nợ, tránh tình trạng dồn công nợ quá lớn vào một nhóm khách hàng nhất định, gây mất cân đối dòng tiền.

Trong hợp đồng thương mại, công ty cần quy định rõ ràng thời gian thanh toán, phương thức thanh toán và xử lý khi khách hàng chậm thanh toán. Điều khoản phạt vi phạm cần được đưa vào hợp đồng một cách minh bạch, ví dụ như phụ thu lãi phạt theo tỷ lệ phần trăm trên tổng dư nợ hoặc tạm dừng cung cấp dịch vụ khi khách hàng quá hạn thanh toán. Điều này không chỉ mang tính ràng buộc pháp lý mà còn nâng cao ý thức tuân thủ của khách hàng. Song song với đó, doanh nghiệp cần triển khai chính sách chiết khấu thanh toán sớm nhằm tạo động lực cho khách hàng thanh toán trước thời hạn. Chiết khấu từ 2%–3% cho các khoản thanh toán trước hạn từ 7–10 ngày là mức hợp lý, vừa đảm bảo lợi ích của khách hàng, vừa giúp doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh hơn, tiết kiệm chi phí cơ hội bị mất. Đồng thời, công ty cần chủ động gửi thông báo nhắc nợ trước thời hạn thanh toán, tránh trường hợp khách hàng quên thời điểm trả nợ hoặc trì hoãn thanh toán.

Cuối cùng, công ty cần xây dựng quy trình chuyển giao thông tin công nợ minh bạch giữa các bộ phận như kế toán, kinh doanh và vận hành, nhằm đảm bảo dữ liệu ghi nhận khớp với nhau. Khi quy trình này được thực hiện đầy đủ, việc xác định nguyên nhân chậm thanh toán (khách hàng chưa xác minh chứng từ, đối chiếu đơn hàng chưa khớp...) sẽ được giải quyết nhanh chóng, giúp tăng tốc độ thu hồi nợ, đảm bảo luân chuyển vốn liên tục và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn.

Lợi ích:

Sau khi thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý khoản phải thu nêu trên, các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả thu hồi công nợ của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú sẽ được cải thiện một cách cụ thể và mang lại tác động trực tiếp đến hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn và hiệu quả tài chính tổng thể của doanh nghiệp. Điều đó được thể hiện qua bảng sau:

Chỉ tiêu	Hiện tại	Sau khi thực hiện giải pháp
DTT	70.435,32	
Khoản phải thu bình quân	25.119,62	18.500
Vòng quay khoản phải thu	2,8	3,81
Kỳ thu tiền bình quân	128,39	94,55

Trên cơ sở doanh thu thuần năm 2024 đạt 70.435,32 triệu đồng, giá trị khoản phải thu của doanh nghiệp được kỳ vọng giảm từ khoảng 25.119,62 triệu đồng xuống còn khoảng 18.500 triệu đồng, tương ứng mức giảm khoảng 6.619,62 triệu đồng. Đồng thời, kỳ thu tiền bình quân giảm từ 128,39 ngày xuống còn khoảng 95 ngày, tức rút ngắn được khoảng 33,84 ngày so với trước khi thực hiện giải pháp. Sự cải thiện này kéo theo vòng quay khoản phải thu tăng từ mức 2,8 vòng/năm lên khoảng 3,81 vòng/năm, tương đương mức tăng xấp xỉ 1 vòng mỗi năm. Những thay đổi này cho thấy tốc độ thu hồi vốn được đẩy nhanh đáng kể, lượng vốn bị chiếm dụng giảm rõ rệt.

Bên cạnh đó, hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn được nâng cao sẽ góp phần cải thiện tỷ suất sinh lời trên tài sản ngắn hạn, từ đó tác động tích cực đến chỉ tiêu ROA của công ty. Như vậy, giải pháp tập trung vào quản lý khoản phải thu không chỉ giúp công ty tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản mà còn hỗ trợ nâng cao tính an toàn tài chính và năng lực hoạt động trong dài hạn.

3.1.2. Giải pháp về nợ ngắn hạn

Cơ sở của giải pháp :

Nợ ngắn hạn là công cụ tài trợ vốn phổ biến đối với doanh nghiệp logistics nhằm bù đắp chi phí phát sinh trong chu kỳ cung ứng dịch vụ. Tuy nhiên, việc phụ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn ngắn hạn mà không có cơ chế điều phối hợp lý sẽ tạo áp lực thanh khoản, làm suy giảm hiệu quả sử dụng tài sản. Trong bối cảnh công ty có sự biến động lớn về khoản phải thu, việc tối ưu hóa cấu trúc nợ ngắn hạn là yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo dòng tiền vận hành ổn định.

Số liệu tài chính cho thấy hệ số thanh toán hiện thời của công ty có xu hướng giảm từ mức 1,348 năm 2022 xuống còn 1,209 năm 2024, phản ánh khả năng tài trợ nợ ngắn hạn suy giảm. Hệ số thanh toán nhanh trong cả ba năm đều ở mức thấp, cho thấy tài sản ngắn hạn chưa đủ để chi trả nghĩa vụ ngắn hạn kịp thời. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự chậm trễ trong thu hồi công nợ và việc chưa cân đối giữa dòng tiền thu – chi theo từng kỳ. Tình trạng này nếu kéo dài có thể dẫn đến rủi ro mất cân đối tài chính, ảnh hưởng đến uy tín và khả năng duy trì chuỗi cung ứng dịch vụ. Vì vậy, việc xây dựng giải pháp kiểm soát nợ ngắn hạn là cần thiết.

Nội dung thực hiện:

Để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nợ ngắn hạn, trước hết doanh nghiệp cần chủ động đàm phán với các nhà cung cấp chiến lược nhằm gia hạn thời hạn thanh toán bởi đây là những đối tác cung cấp đầu vào quan trọng và có tần suất hợp tác thường xuyên, đóng vai trò trực tiếp trong quá trình vận hành chuỗi dịch vụ logistics của doanh nghiệp. Bao gồm các đơn vị thực hiện thủ tục thông quan, kiểm định và dịch vụ hải quan, cũng như các nhà cung cấp nhiên liệu hoặc dịch vụ bảo trì phương tiện phục vụ hoạt động vận tải hay các ngân hàng cung cấp hạn mức tín dụng và các tổ chức cung ứng dịch vụ chiết khấu hóa đơn. Do đó, việc kéo dài thời hạn thanh toán (ví dụ thời gian thanh toán là 30 ngày công ty có thể đàm phán thời hạn thanh toán lên mức 60–90 ngày) không chỉ làm giảm áp lực chi trả ngay tại thời điểm phát sinh

chi phí mà còn tạo một khoảng thời gian hợp lý để doanh nghiệp tập trung thu hồi các khoản phải thu từ khách hàng. Từ đó, doanh nghiệp có thể tận dụng nguồn tiền thu về trước khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nhà cung cấp, qua đó giảm thiểu tình trạng thiếu hụt dòng tiền tạm thời và hạn chế việc phải vay vốn bổ sung trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, việc đàm phán điều chỉnh điều khoản thanh toán cần thực hiện có chọn lọc nhằm duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác nhằm đảm bảo quá trình cung ứng dịch vụ không bị gián đoạn.

Song song với việc gia hạn thời gian thanh toán, công ty cần xây dựng danh mục quản lý nợ chi tiết theo từng nhóm nhà cung cấp, dựa trên các tiêu chí như mức độ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, chi phí phạt chậm trả, vai trò của nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng và mức độ linh hoạt của điều khoản hợp đồng. Những khoản nợ liên quan đến các nhà cung cấp có tính ràng buộc pháp lý cao hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ giao hàng cho khách hàng cần được xếp vào nhóm ưu tiên thanh toán. Ngược lại, các khoản nợ với giá trị nhỏ hoặc có mức lãi phạt thấp có thể được giãn thời gian thanh toán mà không gây ảnh hưởng đến uy tín và năng lực vận hành của doanh nghiệp. Việc phân loại này cũng giúp giảm áp lực tài chính tại một thời điểm nhất định, tránh tình trạng dồn nhiều khoản thanh toán lớn trong cùng kỳ kế toán.

Ngoài ra, công ty cần xây dựng kế hoạch dòng tiền một cách chi tiết theo tuần hoặc theo tháng nhằm dự báo chính xác thời điểm thu tiền và thanh toán. Kế hoạch dòng tiền cần được thiết lập dựa trên số liệu thu hồi công nợ, doanh thu kỳ vọng, thời gian nghiệm thu từng hợp đồng dịch vụ làm cơ sở đối chiếu với lịch thanh toán lương, chi phí vận tải, chi phí kho bãi và nghĩa vụ trả nợ ngân hàng. Qua đó, doanh nghiệp sẽ chủ động phân bổ nguồn vốn cho các khoản chi thiết yếu, giảm thiểu tình trạng thiếu hụt tạm thời và tránh phải bổ sung vốn bằng khoản vay ngắn hạn ngoài kế hoạch. Không chỉ vậy, toàn bộ hoạt động thanh toán sẽ được điều phối hợp lý hơn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nợ ngắn hạn và đảm bảo khả năng vận hành ổn định của doanh nghiệp trong các kỳ tiếp theo.

Lợi ích:

Sau khi thực hiện các giải pháp quản lý nợ ngắn hạn, khả năng thanh toán tức thời của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú được cải thiện rõ rệt. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Hiện tại	Sau khi thực hiện giải pháp
Nợ NH	28.515,56	20.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.653,14	
Hệ số thanh toán tức thời	0,233	0,33

Trên cơ sở số liệu tài chính năm 2024, nợ ngắn hạn của doanh nghiệp trước khi thực hiện giải pháp ở mức 28.515,56 triệu đồng, việc chủ động giãn thời hạn thanh toán với các nhà cung cấp chiến lược và hạn chế vay bổ sung ngắn hạn giúp nợ ngắn hạn giảm xuống còn khoảng 20.000 triệu đồng, tương ứng mức giảm hơn 8.500 triệu đồng. Sự thay đổi này cũng tác động trực tiếp đến khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp. Trước khi thực hiện giải pháp, hệ số thanh toán tức thời của doanh nghiệp là 0,233. Sau khi thực hiện giải pháp và nợ ngắn hạn giảm xuống còn 20.000 triệu đồng, hệ số thanh toán tức thời được cải thiện lên 0,33 lần, tương ứng mức tăng 0,1 lần so với hiện tại.

Bên cạnh đó, việc giảm nợ ngắn hạn còn giúp doanh nghiệp tiết giảm chi phí tài chính. Với việc giảm hơn 8.500 triệu đồng nợ ngắn hạn sẽ giúp chi phí lãi vay giảm khoảng 850 triệu đồng mỗi năm, qua đó làm tăng lợi nhuận sau thuế và cải thiện các chỉ tiêu sinh lời như ROA và ROE. Điều này cho thấy giải pháp quản lý nợ ngắn hạn không chỉ cải thiện hệ số thanh toán tức thời mà còn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và củng cố nền tảng tài chính cho doanh nghiệp.

Ngoài tác động trực tiếp đến các chỉ tiêu tài chính, việc kiểm soát nợ ngắn hạn hiệu quả còn giúp công ty duy trì quan hệ hợp tác ổn định với các nhà cung cấp chiến lược thông qua việc thanh toán đúng hạn theo kế hoạch đã cam kết. Điều này góp phần đảm bảo hoạt động cung ứng dịch vụ logistics diễn ra liên tục, hạn chế gián đoạn do áp lực thanh toán.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn

Trong cơ cấu tài sản dài hạn của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú, tài sản cố định bao gồm phương tiện vận tải, thiết bị phục vụ kho bãi và hệ thống công nghệ chiếm tỷ trọng lớn và có vai trò quan trọng trong hoạt động logistics. Tuy nhiên, hiệu suất sử dụng tài sản cố định của công ty có xu hướng giảm qua các năm. Cụ thể, hiệu suất sử dụng tài sản cố định giảm từ 86,21 lần năm 2022 xuống còn 40,83 lần năm 2024, cho thấy tài sản chưa được khai thác tối đa công suất. Điều này phản ánh quá trình mở rộng quy mô đầu tư diễn ra nhanh hơn khả năng vận hành thực tế, dẫn đến hiệu quả sử dụng chưa tương xứng. Vì vậy, việc đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu suất khai thác tài sản cố định là cần thiết để cải thiện hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn nói riêng và tổng tài sản nói chung.

Cơ sở của giải pháp:

Nguyên nhân chủ yếu làm giảm hiệu suất khai thác tài sản cố định xuất phát từ việc sử dụng chưa tối ưu các nguồn lực hiện có. Trong đó, tình trạng phương tiện vận tải hoạt động không hết tải trọng, chạy rỗng chiều về hoặc bố trí lộ trình chưa hợp lý làm giảm công suất sử dụng. Đối với hệ thống kho bãi, việc phân bổ không gian lưu trữ chưa khoa học, quy trình hàng hóa ra vào chưa tối ưu cũng làm giảm hiệu quả sử dụng mặt bằng và thiết bị kho vận. Ngoài ra, chi phí sửa chữa đột xuất phát sinh do chưa có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ gây gián đoạn vận hành, làm giảm thời gian hoạt động thực tế của tài sản. Đây là những cơ sở chính cần tập trung khắc phục để gia tăng hiệu suất sử dụng tài sản cố định.

Nội dung thực hiện giải pháp:

Để tối ưu hóa hiệu quả khai thác tài sản cố định, công ty cần triển khai kế hoạch vận hành chi tiết cho từng nhóm tài sản:

Trước hết, đối với nhóm phương tiện vận tải – vốn là bộ phận tài sản cố định có tần suất sử dụng cao và đóng vai trò quan trọng trong hoạt động giao nhận. Công ty cần xây dựng kế hoạch vận hành cụ thể theo từng tuyến đường, từng

nhóm khách hàng và từng khung thời gian cao điểm. Việc lập lịch trình hoạt động theo tuyến cố định, kết hợp ghép chuyến dựa trên lượng đơn hàng và lịch giao nhận thực tế, sẽ giúp giảm thiểu tình trạng xe chạy rỗng, chạy một chiều không có hàng hoặc vận chuyển dưới tải trọng quy định. Đồng thời, công ty nên ứng dụng phần mềm theo dõi hành trình, ghi nhận quãng đường di chuyển, mức tải trọng từng chuyến và số lần vận hành, từ đó điều chỉnh lịch trình giao nhận theo hướng tối ưu hóa tuyến đường, tăng số chuyến có hàng và giảm thời gian chờ tại điểm bốc dỡ.

Trong hoạt động kho bãi, công ty cần tổ chức lại mặt bằng lưu trữ theo sơ đồ khoa học nhằm tận dụng tối đa không gian và nâng cao năng suất xử lý. Cụ thể, việc phân chia khu vực xuất nhập, khu vực lưu trữ ngắn hạn và dài hạn, khu vực hàng dễ hư hỏng hoặc hàng ưu tiên sẽ giúp giảm thời gian di chuyển trong kho và hạn chế xung đột giao thông nội bộ. Công ty cũng nên bố trí hàng hóa theo tần suất xuất nhập, nghĩa là những mặt hàng có tần suất luân chuyển cao sẽ được đặt ở vị trí gần cửa ra vào để giảm thời gian tìm kiếm và nâng cao tốc độ xử lý đơn hàng. Đồng thời, công tác đánh giá công suất kho cần được thực hiện định kỳ, bao gồm việc xác định diện tích trống, diện tích sử dụng thực tế, diện tích chờ xử lý và mức độ đáp ứng của thiết bị bốc xếp. Qua đó, công ty có thể đưa ra quyết định điều chỉnh mặt bằng, bổ sung thiết bị hoặc tái bố trí hàng hóa nhằm nâng cao hiệu quả khai thác kho bãi.

Đối với công tác bảo dưỡng tài sản, đây là yếu tố đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo tính ổn định của tài sản cố định. Do đó, công ty cần xây dựng lịch kiểm tra định kỳ dựa trên số giờ vận hành, số chuyến giao hàng hoặc mức độ sử dụng thực tế của từng tài sản. Việc thiết lập chu kỳ bảo trì theo tuần, tháng hoặc quý sẽ giúp doanh nghiệp chủ động phát hiện các hư hỏng tiềm ẩn, tránh tình trạng phương tiện hoặc thiết bị đột ngột ngừng hoạt động. Ngoài ra, công ty cần thiết lập hệ thống lưu trữ hồ sơ bảo dưỡng cho từng tài sản nhằm theo dõi thời gian đã sửa chữa, mức độ hao mòn, thời gian thay thế linh kiện và số lần bảo trì đã thực hiện. Những dữ liệu này sẽ hỗ trợ quá trình đánh giá tuổi thọ tài sản, xác định thời

điểm tu sửa định kỳ hoặc đầu tư thay thế mới khi cần thiết. Việc thực hiện bảo dưỡng đúng quy trình không chỉ giảm thiểu thời gian ngừng hoạt động mà còn tối đa hóa thời gian sử dụng, nâng cao độ tin cậy của tài sản và kéo dài tuổi thọ của toàn bộ hệ thống tài sản cố định của doanh nghiệp.

Lợi ích:

Việc triển khai các giải pháp tối ưu hóa khai thác tài sản cố định sẽ mang lại tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp. Cụ thể, khi khả năng điều phối phương tiện được cải thiện, tần suất chạy rỗng giảm và tải trọng bình quân được nâng lên thì chi phí nhiên liệu, khấu hao và nhân công sẽ được phân bổ hiệu quả hơn trên mỗi đơn vị dịch vụ. Điều này giúp tăng doanh thu bình quân trên từng phương tiện và nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản cố định so với hiện tại. Bên cạnh đó, việc tổ chức kho bãi khoa học và rút ngắn thời gian xử lý hàng hóa giúp tăng khả năng khai thác diện tích kho mà không phải mở rộng cơ sở vật chất. Đồng thời, bảo dưỡng theo định kỳ giúp hạn chế hư hỏng đột xuất, giảm thiểu thời gian dừng hoạt động và kéo dài tuổi thọ tài sản.

Những lợi ích trên sẽ góp phần cải thiện rõ rệt các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn. Trước hết, doanh thu tạo ra trên một đồng tài sản cố định bình quân sẽ tăng do tài sản được khai thác với tần suất cao hơn và hạn chế thời gian nhàn rỗi. Khi số chuyên vận tải tăng, mức xử lý hàng hóa tại kho cải thiện, cũng đồng nghĩa với việc doanh thu phát sinh từ cùng một quy mô tài sản sẽ lớn hơn. Nhờ đó, chỉ tiêu doanh thu trên tài sản cố định bình quân sẽ tăng lên, thể hiện tài sản dài hạn sẽ được khai thác hiệu quả hơn so với giai đoạn hiện tại. Đồng thời, hệ số sinh lời của tài sản dài hạn cũng được cải thiện, do tài sản tạo ra mức lợi nhuận cao hơn mà không làm phát sinh thêm chi phí đầu tư mới, qua đó góp phần nâng cao tỷ suất sinh lời của tài sản dài hạn trong các kỳ tiếp theo.

Như vậy, tối ưu hóa khai thác tài sản cố định không chỉ mang lại hiệu quả trong vận hành, mà còn tạo ra tác động tích cực đến hiệu quả tài chính, đảm bảo

khả năng khai thác đúng tiềm năng của nguồn lực đầu tư dài hạn và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp trong dài hạn.

3.3. Các giải pháp khác liên quan đến quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản

Bên cạnh các giải pháp trực tiếp tác động đến tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, việc hoàn thiện cơ chế quản trị doanh nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản tại An Phú. Các giải pháp liên quan đến tổ chức, công nghệ và kiểm soát nội bộ không chỉ hỗ trợ hoạt động quản lý tài sản trở nên hiệu quả, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản trị tài sản

Trước hết, công ty có thể đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản trị tài sản nhằm nâng cao tính chính xác và khả năng kiểm soát đối với toàn bộ hệ thống tài sản. Việc triển khai các phần mềm như:

- + Hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning) hỗ trợ quản trị tổng thể, liên thông dữ liệu về tài sản, tài chính và kho vận, giúp theo dõi tình trạng tài sản theo thời gian thực.

- + Phần mềm quản lý kho hàng WMS (Warehouse Management System) cho phép quản lý kho bãi hiệu quả hơn thông qua việc kiểm soát tồn kho, vị trí hàng hóa và thời gian luân chuyển.

- + Hệ thống quản lý vận tải TMS (Transport Management System) giúp tối ưu hóa hoạt động vận tải như lập tuyến đường, theo dõi phương tiện và quản lý chi phí vận hành.

Từ đó sẽ giúp đồng bộ hóa dữ liệu, theo dõi vòng đời tài sản, tối ưu hóa quy trình điều phối phương tiện và quản lý kho bãi.

Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ nhận diện và theo dõi tài sản như IoT (Internet of Things) cho phép kết nối các thiết bị và tài sản trong chuỗi logistics

với nhau, giúp công ty giám sát tình trạng hoạt động theo thời gian thực như mức nhiên liệu, nhiệt độ kho bãi, độ rung động của máy móc,... Điều này giúp phát hiện sớm hư hỏng và giảm thiểu chi phí sửa chữa.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Bên cạnh đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố mang tính quyết định đối với hiệu quả quản trị tài sản. Công ty cần tăng cường tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ logistics, kỹ năng vận hành phương tiện, quản lý kho bãi, cũng như sử dụng các phần mềm quản trị tài sản hiện đại. Đồng thời, công tác đào tạo phải được thực hiện theo hướng thường xuyên và có hệ thống, nhằm tạo ra đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao và khả năng thích ứng trước sự thay đổi nhanh chóng của ngành.

Không chỉ vậy, những chính sách đãi ngộ hợp lý, gắn kết quả công việc với hiệu quả sử dụng tài sản cũng sẽ góp phần khuyến khích nhân viên chủ động nâng cao ý thức quản lý và tiết kiệm tài sản trong quá trình làm việc.

Tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro tài sản

Nhằm đảm bảo việc sử dụng tài sản diễn ra minh bạch, an toàn và hiệu quả công ty cần tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro tài sản. Trước hết, cần xây dựng quy trình kiểm kê, theo dõi và đánh giá tài sản một cách chặt chẽ, đặc biệt đối với tài sản cố định có giá trị lớn và tài sản ngắn hạn có tốc độ luân chuyển cao.

Các rủi ro liên quan đến nợ phải thu, hàng tồn kho, hao mòn tài sản hoặc thất thoát trong quá trình khai thác đều cần được nhận diện sớm và quản lý bằng các biện pháp phòng ngừa cụ thể. Việc thiết lập hệ thống báo cáo tự động, số hóa chứng từ và phân quyền trách nhiệm rõ ràng giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn tình trạng tài sản, đồng thời hạn chế sai sót và gian lận. Bên cạnh đó, việc mua bảo hiểm đối với phương tiện, kho bãi và các tài sản trọng yếu cũng góp phần giảm thiểu rủi ro tài chính khi xảy ra sự cố.

Kết luận chương 3

Chương 3 đã tập trung đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú dựa trên những tồn tại được chỉ ra từ kết quả phân tích ở chương 2. Các giải pháp được xây dựng theo hướng toàn diện, bao quát cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, đồng thời mở rộng sang nhóm giải pháp hỗ trợ liên quan đến quản trị doanh nghiệp, nhằm tạo nền tảng bền vững cho quá trình khai thác tài sản trong dài hạn.

Bên cạnh đó, chương 3 cũng nhấn mạnh các giải pháp quản trị mang tính hỗ trợ như đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ. Đây là những điều kiện cần thiết giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động ổn định, hạn chế rủi ro và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành logistics.

KẾT LUẬN CHUNG

Bài luận đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về tài sản và hiệu quả sử dụng tài sản trong doanh nghiệp, làm rõ vai trò, đặc điểm và các chỉ tiêu phân tích quan trọng đối với tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Đây chính là nền tảng giúp đánh giá toàn diện thực trạng quản lý và khai thác tài sản tại doanh nghiệp.

Trên cơ sở lý luận đó, nghiên cứu đã tiến hành phân tích sâu hơn về thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Giao nhận An Phú giai đoạn 2022–2024. Kết quả phân tích cho thấy quy mô tài sản của công ty có xu hướng tăng lên qua các năm, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn và đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động logistics. Các chỉ tiêu hiệu quả như vòng quay tài sản, khả năng thanh toán, vòng quay khoản phải thu, vòng quay hàng tồn kho và khả năng sinh lời nhìn chung có sự cải thiện tích cực, phản ánh nỗ lực của doanh nghiệp trong việc nâng cao hiệu quả quản trị dòng tiền và khai thác nguồn lực. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế như tỷ trọng khoản phải thu cao, tốc độ luân chuyển tài sản chưa thật sự ổn định và hiệu suất sử dụng tài sản dài hạn còn dư địa để tăng cường.

Xuất phát từ những tồn tại đó, bài luận đã đề xuất nhóm giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Các giải pháp không chỉ tập trung vào tối ưu hóa quản lý tài sản ngắn hạn và dài hạn mà còn mở rộng sang nhóm giải pháp mang tính chiến lược, bao gồm ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ.

Tuy nhiên, dù đã nỗ lực hoàn thiện trong suốt quá trình nghiên cứu, nhưng bài luận không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót do giới hạn về kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn cũng như khả năng phân tích còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự góp ý từ quý thầy cô để bài luận có thể được hoàn thiện hơn, đồng thời giúp em rút ra nhiều bài học bổ ích cho công việc sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Nguyễn Năng Phúc, *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân
2. *Karen Berman & Joe Knight, John Case – Trí tuệ tài chính*, Nhà xuất bản Lao động – Xã Hội
3. *Tạp chí Kinh tế – Tài chính* về hoàn thiện phân tích tài chính doanh nghiệp
<https://tapchikinhhtetaichinh.vn/ve-hoan-thien-phan-tich-tai-chinh-doanh-nghiep-49640.html>
4. Hướng dẫn phân tích báo cáo tài chính cho doanh nghiệp
<https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/phan-tich-bao-cao-tai-chinh>